

Truyện ngắn của Edgar Allan Poe



WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Edgar Allan Poe

Con mèo đen

Về câu chuyện thân mật vào loại kỳ cục nhất mà tôi sắp hạ bút viết đây, tôi không chờ đợi cũng như không yêu cầu ai tin cả. Mà có mất trí mới đi chờ đợi như thế, vì chính bản thân những cảm quan của tôi cũng không thừa nhận nó là có thật. Vâng, tôi không điên - và rất chắc chắn là tôi không mơ. Nhưng ngày mai tôi chết và hôm nay hẳn tôi phải trút đi gánh nặng trong tâm hồn tôi. Mục đích gần nhất của tôi là trình bày với mọi người những sự kiện trong gia đình một cách đầy đủ, gọn gàng mà không bình luận gì cả. Do hậu quả của nó, những sự kiện này đã làm tôi hoảng sợ, đã dày vò tôi, đã huỷ hoại tôi. Nhưng tôi không có ý định trình bày quá tỉ mỉ. Đối với tôi, nó cũng không có ý khác hơn là cảm giác rùng rợn, nhưng đối với số đông thì họ thấy ít sợ hơn là thấy kỳ quặc. Sau này có thể có vài nhà trí thức nào đó sẽ làm cho những điều huyền ảo của tôi chỉ là chuyện thường, sẽ có một số trí tuệ nào đó bình tĩnh hơn, lôgic hơn và khó bị kích động hơn đầu óc của tôi, sẽ nhìn thấy rõ, trong những trường hợp tôi đã hết sức kinh ngạc kể lại rất tỉ mỉ, không có gì khác hơn là một chuỗi rất thông thường và rất tự nhiên của nhân và quả.

Từ thuở nhỏ, tôi đã được chú ý vì tính tình dễ bảo và lòng nhân đạo. Tính tình hiền dịu của tôi trở thành một trò cười của bạn bè. Tôi đặc biệt rất thích loài vật và được cha mẹ nuông chiều cho chơi với rất nhiều loài vật. Tôi đã mất nhiều thì giờ với bọn này, và không gì làm cho tôi sung sướng bằng được cho chúng ăn, được vuốt ve chúng. Tính nết riêng biệt này cứ phát triển dần theo đà lớn lên của tôi, và khi đã trưởng thành thì nó trở thành một trong những nguồn vui chính của tôi. Với kẻ đã dành nhiều tình thương mến

cho một con chó khôn ngoan, trung thành thì tôi không cần phải tốn công lí giải về tính chất và mức độ tình cảm đã dành cho nó. Trong tinh thần vị tha và tình thương đầy tinh thần hy sinh của con vật, có một cái gì đi thẳng vào lòng nó và thường tạo ra cơ hội để chứng minh tình bạn thấp kém và lòng trung thành rất mong manh của con người.

Tôi lấy vợ sớm và rất sung sướng thấy tính tình của vợ tôi không khác gì tôi bao nhiêu. Nhận thấy tôi thiên vị đối với mấy loại thú trong nhà, cô ta không bao giờ để lỡ dịp tìm cho tôi những con vật dễ thương nhất. Chúng tôi có chim, có cá vàng, có một con chó rất xinh, có thỏ, có một con khi con và một con mèo.

Con mèo này là một con vật rất to và đẹp, đen tuyền, và khôn đến mức độ đáng kinh ngạc. Nói về trí thông minh của nó, vợ tôi, thực lòng không hề bị chút nào nhiễm phải óc mê tín, vẫn thường nhắc đến một quan niệm cũ trong dân gian cho rằng tất cả bọn mèo đen đều là phù thủy trá hình. Cô ta không hề coi đó là chuyện nghiêm túc, nhưng tôi ghi lại tất cả không vì lẽ gì khác hơn là những điều cho đến nay xảy ra đáng cho cô ta phải nhớ.

Pluto - tên con mèo - là con vật tôi quý nhất, là người bạn của tôi. Chỉ có tôi cho nó ăn, và trong nhà tôi đi đâu là nó theo tới đó. Tới nỗi tôi phải rất khó khăn mới ngăn được nó, không cho theo tôi ra đường.

Tình bạn của chúng tôi kéo dài theo kiểu đó trong nhiều năm; trong thời gian này tính khí và thái độ của tôi - do rượu chè quá độ - (tôi thật xấu hổ mà thú nhận) đã suy sụp về cơ bản, càng ngày càng xấu đi. Càng ngày tôi càng trở nên cáu kỉnh, bức bối và không nghĩ gì đến tình cảm của người khác. Tôi đã ăn nói thô lỗ với vợ. Dần dần đến mức dùng vũ lực với cô ấy nữa. Mấy con vật của tôi tất nhiên đã cảm thấy sự thay đổi của tôi. Tôi không chỉ bỏ lơ chúng nó, mà còn bạc đãi chúng nữa. Tuy nhiên, đối với Pluto, tôi còn quan tâm đến nó, còn kiềm chế không đến nỗi bạc đãi với nó. trong khi đó thì tôi

không do dự gì mà không bực bội những con thỏ, con khi, hoặc ngay cả đến con chó nữa, khi, bất ngờ, vì tình cảm chúng nó luẩn quẩn trên đường đi của tôi. Nhưng căn bệnh của tôi cứ tăng lên - một thứ bệnh như bệnh nát rượu - rồi cuối cùng, đến cả Pluto nữa, lúc này đã bắt đầu già, và do đó đã có phần cáu kỉnh - cả Pluto nữa cũng bắt đầu chịu đựng sự thay đổi tính khí của tôi. Một buổi tối, khi từ quán nhậu quen thuộc ngoài phố về, say bí tỉ, tôi cho rằng con mèo cố ý tránh mặt tôi. Tôi nắm lấy nó. Trong khi hoảng hốt, sợ tôi đánh nó, nó đã cắn vào tay tôi, gây nên một vết thương nhẹ; trong phút chốc tôi tức điên lên như bị quỷ ám. Tôi không còn biết tôi là ai nữa. Hồn tôi lúc này như bỗng chốc bay ra khỏi xác - một cơn điên loạn độc ác làm rung tất cả các thớ thịt của tôi. Tôi rút trong túi áo ra một con dao con, kéo lưỡi dao ra, tôi nắm chặt lấy cổ con vật, tôi thư thái khoét một trong hai mắt của nó! Thật tôi xấu hổ đến run lên khi viết lại cái hành động tàn ác khủng khiếp này.

Sáng hôm sau, khi bình tĩnh lại - đã ngủ được đầy đủ sau một đêm trụy lạc - tôi cảm thấy nửa như ghê tởm, nửa như hối hận về tội ác mà tôi đã gây ra. Nhưng đó chỉ là một thứ tình cảm mơ hồ, yếu ớt, còn tâm hồn tôi vẫn hoàn toàn yên ổn, không hề bị chạm tới. Tôi lại lao vào nhậu nhẹt, và chìm sâu vào trong rượu tất cả mọi ký ức về hành động của tôi.

Trong thời gian đó, con mèo dần dần phục hồi. Hóc con mắt bị mất trông bề ngoài dễ sợ thật, nhưng nó không còn phải chịu đựng bất cứ một nỗi đau đớn nào nữa. Nó lại đi loanh quanh trong nhà như cũ, nhưng, như ta có thể thấy trước, nó rất khiếp sợ khi thấy tôi đến gần. Trong lòng tôi hãy còn lại chút tình cảm cũ và ban đầu tôi thấy tội nghiệp cho cái phần rõ rệt là không có gì đáng yêu của một sinh vật có lần tôi đã thương yêu đến thế. Nhưng tình cảm này chẳng mấy chốc đã nhường chỗ cho sự phẫn nộ. Và tinh thần ngoan cố trong cái xấu đã đến với tôi như một sự suy sụp cuối cùng và dứt khoát.

Triết học cũng chả làm gì được với tinh thần này. Thế là tôi không tin rằng, linh hồn tôi đáng sống, bằng tin rằng sự ngoan cố trong cái xấu là một trong những động lực ban sơ của lòng người - một trong những năng khiếu, hay tình cảm ban sơ và nguyên vẹn, không chia cắt được đã vạch ra phương hướng cho tính cách con người. Ai đã không hàng trăm lần, tự thấy mình phạm phải một hành động xấu xa hoặc ngu xuẩn mà không phải do một lý do nào khác hơn là bởi vì anh ta biết rằng anh ta không nên làm ? Có phải chúng có khuynh hướng lâu dài muốn vi phạm cái gọi là luật pháp, kể cả khi ta có nhận xét đúng nhất, chỉ vì chúng ta hiểu rằng nó phải như vậy đó không ? Tinh thần ngoan cố trong cái xấu, như tôi nói đến với sự suy sụp cuối cùng của tôi. Đó là sự theo dõi chờ đợi một tâm hồn sâu không đáy tự gây phiền phức cho mình - dùng bạo lực cưỡng chế bản tính tự nhiên của nó - làm điều sai chỉ vì cả cái sai - đã thúc đẩy tôi phải tiếp tục và cuối cùng phải làm nốt việc gây thương tích cho con vật ngây thơ, vô tội. Một buổi sáng, tôi thản nhiên đưa một cái thùng lọng vào cổ nó, rồi treo lên cành cây; treo nó lên mà mắt tôi ướm đầm nước mắt, mà lòng xót xa ân hận vô cùng - treo nó bởi vì tôi biết nó thương tôi, và bởi vì tôi cảm thấy nó không làm gì cho tôi phải tức giận cả, treo nó bởi vì tôi biết làm thế là tôi đang phạm một tội ác - một tội ác nghiêm trọng đến nỗi nguy hại đến linh hồn bất diệt của tôi - nếu có thể có chuyện đó - và đưa nó ở xa tầm ơn đức vô biên của Đức Chúa Đại Nhân, Đại Trí, nhưng cũng đáng sợ vô cùng.

Trong đêm của cái ngày xảy ra những hành động tàn khốc đó, tiếng kêu cháy nhà làm tôi giật mình thức dậy. Cái màn trên giường tôi bốc cháy. Toàn bộ ngôi nhà bị bắt lửa. Vợ tôi, người ăn kẻ ở trong nhà, và bản thân tôi nữa, đã rất khó khăn mới thoát ra khỏi đám cháy. Tất cả đều bị thiêu hủy hoàn toàn. Toàn bộ của cải tôi cháy rụi cả, và tôi cảm thấy cùng đường, tuyệt vọng.

Tôi không còn đủ sức để suy nghĩ, tìm kiếm mối liên quan giữa nguyên nhân và kết quả, giữa tai họa và hành động tàn ác. Nhưng tôi phân tích kỹ cả một dây chuyền sự việc và cố cho không bỏ sót một khâu nào cả. Qua ngày hôm sau đám cháy, tôi đến xem lại hiện trường. Các bức tường - trừ một bức - đều sụp đổ hết. Bức tường này là của một gian phòng, không dày lắm, đứng vào khoảng giữa ngôi nhà và là chỗ dựa sát vào đầu giường của tôi. Vòi vữa ở đây đã có sức chống lửa rất lớn - một sự kiện tôi cho là do bức tường mới xây mà có. Một đám đông dày đặc tập hợp gần bức tường rất chăm chú và rất tỉ mỉ. Những tiếng "lạ thật", "kì thật", và nhiều tiếng khác tương tự như vậy đã kích thích tính tò mò của tôi. Tôi lại gần, và nhìn thấy như chạm nổi trên nền trắng, bộ mặt một con mèo rất lớn. Nét in lên rõ và chính xác lạ lùng. Có cả sợi dây thừng quanh cổ con vật nữa.

Khi lần đầu tiên tôi nhìn thấy sự hiện hình này - vì tôi chẳng mấy khi nhìn thấy thế - thì sự kinh ngạc và khiếp sợ của tôi đã tới mức cùng cực. Nhưng dần dần về sau, sự suy nghĩ đã đến hỗ trợ tôi. Tôi nhớ con mèo bị treo cổ trong khu vườn sát bên nhà. Khi nghe tiếng kêu cháy nhà, thì lập tức khu vườn đông nghịt những người từ đâu kéo đến. Một trong những người này đã cắt dây treo cổ con vật khỏi cây và ném qua cửa sổ mở vào phòng tôi. Việc này chắc là chỉ cốt nhằm đánh thức tôi dậy. Những bức tường khác đổ xuống đã đè lên nạn nhân của tội ác của tôi; áp vào trong chất vôi vữa vừa mới tô lên. Những chất đó cùng với lửa và chất amonia từ xác con vật đã tạo ra bức chân dung con vật mà tôi đã nhìn thấy đó.

Mặc dầu tôi sẵn sàng dựa vào những lý lẽ của tôi, nếu không phải cả với lương tri của tôi nữa, bởi sự việc kỳ quặc mà tôi vừa mới kể lại rất tỉ mỉ, nó đã để lại một ấn tượng rất sâu trong óc tưởng tượng của tôi. Hàng mấy tháng trời tôi không sao thoát ra một cảm giác trở lại trong tâm trí tôi, nó nửa như hối hận, nhưng không phải thế. Tôi thương tiếc con vật đã mất, và cố tìm

chung quanh, trong những quán rượu xấu xa nhất mà tôi thường lui tới, để kiếm một con vật vào loại như thế, hoặc bề ngoài giống như thế để thay vào chỗ của nó.

Một đêm, tôi đang ngồi trong một căn nhà lụp xụp, tồi tệ, đang thù người ra, thì bỗng tôi chú ý đến một vật gì đen đen nằm trên nắp những thùng rượu Gin hay Rin gì đó, là những đồ vật chính ở trong nhà. Tôi nhìn kỹ mấy cái nắp thùng trong vài phút, và điều làm tôi ngạc nhiên là sao tôi lại không nhận ra ngay cái vật trên nắp thùng này. Tôi bước lại gần và lấy tay sờ vào xem. Đó là một con mèo đen - to bằng con Pluto, và giống hệt như nó, nhưng con mèo này có một chòm lông trắng khá rộng, mặc dầu không rõ rệt lắm, phủ kín một vùng gần chỗ ngực nó.

Khi tôi đụng vào nó, lập tức nó đứng dậy, gào to lên, cọ mình vào tay tôi và có vẻ sung sướng thấy tôi chú ý đến. Đây đúng là con vật mà tôi đang tìm.

Tôi liền xin ông chủ nhà cho tôi mua lại; nhưng ông ta không nói gì đến nó, không biết tí gì về nó, và trước đây cũng chưa bao giờ nhìn thấy nó.

Tôi tiếp tục vuốt ve nó, và khi tôi chuẩn bị ra về, thì con vật tỏ ý muốn đi theo tôi. Tôi cho nó theo, và trên đường đi thỉnh thoảng tôi cúi xuống vuốt ve nó. Khi tôi về đến nhà, nó lập tức làm quen được ngay, và lập tức trở thành người bạn thân thiết của vợ tôi.

Về phần tôi, chẳng mấy chốc tôi cảm thấy khó chịu đối với nó. Điều đó rõ ràng là trái ngược với điều tôi đã dự tính, những - tôi không rõ thế nào và tại sao lại như vậy - về yêu mến, thích thú của nó đối với tôi càng làm tôi thêm ghê tởm và chán ghét nó. Rồi dần dần những cảm giác chán ghét và ghê tởm này cứ tăng lên mãi thành một thứ căm thù dữ dội. Tôi tránh con vật, một cảm giác xấu hổ nào đó, và khi nhớ lại hành động tàn ác của tôi trước đây, tôi tránh không đụng tới cơ thể của nó. Hàng mấy tuần liền, tôi không đánh đập gì nó, hoặc dùng một thứ bạo lực nào khác đối với nó, nhưng dần dần -

dần dần, rất chậm - tôi đã nhìn nó như một con vật rất ghê tởm, và âm thầm lẩn tránh, không nhìn bộ mặt xấu xa của nó, như lẩn tránh bệnh dịch vậy. Cái cộng thêm vào lòng căm thù của tôi đối với con vật, chắc là sự phát hiện ra, vào một buổi sáng sau khi đem nó về nhà, rằng nó giống con Pluto, nó cũng bị khoét mất đi một con mắt. Tuy nhiên, trường hợp này lại làm cho vợ tôi thân với nó, như tôi đã nói, cô ta vốn đã sẵn có mối tình nhân đạo này đến cao độ, cũng như trước đây có lần nó đã là một đặc tính của tôi, và đã là nguồn gốc của nhiều trong những thú vui giản dị nhất và trong sáng nhất của tôi.

Tuy vậy, dù bị tôi thù ghét, con mèo như cứ càng thêm thiên vị đối với tôi hơn. Nó cứ bám sát theo chân tôi đến mức khó có thể làm cho người đọc tin được. Bất cứ khi nào, tôi ngồi, thì nó nằm tròn dưới ghế hoặc nhảy lên đầu gối tôi, giụi mình vào tôi. Nếu tôi đứng lên định đi thì nó sẽ chui vào giữa hai chân tôi và làm tôi suýt ngã, hoặc dùng móng nhọn và dài cào cào vào áo tôi, và cứ như thế, trèo lên ngực tôi. Vào những lúc đó, mặc dầu tôi rất muốn cho nó một cú chí tử, tôi đã tự kiềm chế được, một phần vì nhớ tới tội ác của tôi trước kia, nhưng phần chính xác - xin cho tôi thú thật ngay bây giờ - vì quá khiếp sợ con vật.

Sự khiếp sợ này đúng ra không phải khiếp sợ đối với một tội ác vật chất - nhưng tôi cũng không thể xác định cho rõ nó là cái gì. Tôi như tự thẹn với mình - vâng, ngay trong căn lều tội ác này tôi hầu như tự thẹn với mình - vì nỗi sợ hãi và ghê tởm mà con mèo đã gây ra cho tôi cứ được tăng lên mãi do một thứ huyền tượng mà ta có thể nhận ra được. Vợ tôi hơn một lần đã nhắc tôi chú ý đến tính chất của chùm lông trắng, mà vợ tôi đã có nói đến, và đó là chỗ khác nhau duy nhất giữa con vật lạ lùng này với con mà tôi đã giết. Bạn đọc chắc còn nhớ dấu hiệu này, dù là khá rộng, về cơ bản mà nói vẫn không rõ. Nhưng, dần dần - dần dần đến gần như không nhận thấy được và

trong thời gian quá lâu lý trí của tôi cố tranh đấu để vứt bỏ đi coi như một thứ huyền hoặc. Về sau, dần dần nó cứ rõ dần ra. Và giờ đây nó là biểu hiện của một vật chỉ nói đến tên tôi cũng đã rùng mình rồi. Và trên hết, đối với nó là tôi lẩn tránh, tôi khiếp sợ, tôi muốn xua đuổi cái con quỷ dữ đó, tôi dám nói như vậy. Giờ đây nó là hình ảnh của cái xấu xí, ghê tởm; của một vật khủng khiếp, của cái Giá treo cổ - một công cụ giết người rất dễ sợ của Tội ác, của sự Rùng rợn, của Sầu não và của Chết chóc.

Giờ đây, tôi quả thật là quá khốn khổ, hơn tất cả mọi thứ khốn khổ của Nhân loại. Và một con vật đốn mạt - mà bạn của nó tôi đã giết chết một cách thân nhiên - con vật đốn mạt đòi tôi phải trả nợ - vâng tôi, một con người được nặn ra theo hình ảnh của Đức Chúa Trời Cao Cả - vốn quá nhiều nỗi khổ đau không sao chịu nổi! Chao ôi! Đêm cũng như ngày, không một lúc nào tôi còn được hưởng cái ân huệ của phút nghỉ ngơi, yên ổn nữa. Thời gian với con trước, nó không để cho tôi được phút nào riêng một mình, còn đối với con sau, tôi từng giờ sa vào những giấc mơ khủng khiếp, sợ gặp phải hơi thở của con vật đó phả lên mặt tôi, và sức nặng ghê gớm của nó - nhập vào trong cơn ác mộng mà tôi không đủ sức lay chuyển nổi - mãi mãi đè nặng lên tim tôi.

Dưới sức ép của những dần vật như thế này, cái phần thiện quá yếu ớt còn lại trong tôi đã sụp đổ. Những ý nghĩ tội lỗi trở nên những ý nghĩ duy nhất gần gũi, thân thiết với tôi - những ý nghĩ đen tối nhất và tội lỗi nhất. Tình trạng sầu não trong tính khí quen thuộc của tôi đã tăng lên khiến tôi căm thù mọi vật, căm thù cả loài người nữa. Trong khi tôi mù quáng buông thả mình vào cơn giận dữ dội đột ngột bùng ra thường xuyên, không điều khiển nổi thì bà vợ nhẵn nhụi của tôi là người thường xuyên và kiên trì chịu đựng hơn cả.

Một hôm, cô ta đi theo tôi vì một vài việc nhà, chúng tôi đi vào trong hầm

rượu của ngôi nhà cổ mà cảnh nghèo túng đã buộc chúng tôi phải ở. Con mèo theo tôi xuống bậc cầu thang, và làm tôi xuýt nữa nhào đầu xuống, tôi giận như muốn điên lên. Tôi xách cái rìu lên, và trong cơn giận dữ tôi đã quên mất nỗi sợ hãi thơ ngây đã từng giữ tay tôi lại cho đến lúc này - tôi bỏ một nhát xuống người con vật, và tất nhiên nếu nó rơi đúng như ý muốn của tôi thì chỉ trong phút chốc con vật đã toi mạng rồi. Nhưng bà vợ tôi đã kịp chặn tay tôi lại. Tôi lúc này càng giận hơn vì sự can thiệp này, và như một người bị quỷ ám, không còn biết gì nữa, tôi giật lấy chiếc rìu ra khỏi bàn tay cô ta và bỏ luôn một nhát vào sọ cô ta. Cô ngã xuống chết ngay tại chỗ, không một tiếng rên.

Hành động giết người bản thiêu này làm xong, tôi quyết định phải lo ngay việc cất giấu tử thi. Tôi biết không thể chuyển tử thi ra khỏi nhà, dù ngày hay đêm cũng vậy, mà có thể tránh được con mắt của hàng xóm. Nhiều phương án đã đến trong đầu tôi. Có một lúc tôi nghĩ đến việc chôn tử thi ra làm nhiều mảnh rồi thiêu huỷ luôn. Lúc khác tôi lại tính đào một cái huyệt dưới nền hầm rượu và chôn vào đó. Lại cũng tính đến chuyện vứt xuống giếng ở ngoài sân, hoặc xếp vào trong một cái thùng, làm như là hàng hoá, xếp đặt bình thường rồi thuê người đem ra khỏi nhà. Cuối cùng tôi nghĩ ra một kế mà tôi cho là hơn cả mấy phương án kia. Tôi quyết định xây một bức tường chặn nó lại trong nhà hầm, nhưng những tu sĩ thời Trung Cổ từng chấn nạn nhân của họ.

Để thực hiện cho ý đồ này, hầm rượu cần được sửa chữa tốt hơn. Những bức tường hầm trước đây xây dựng rất sơ sài, và phần vôi vữa mới trát gần đây không được tốt lắm, và độ ẩm trong không khí làm cho không cứng lại được hơn nữa, ở một trong mấy bức tường có một chỗ lòi ra, có lẽ do một ống khói giả, hay chỗ nhà hầm. Tôi tin chắc rằng tôi có thể lấy gạch ở chỗ này ra, nhét thi hài vào đó, rồi xây tường lại hoàn toàn như cũ và như thế thì

không ai tìm ra vật cất giấu trong đó được cả.

Tôi rất tin chắc vào cách tính toán này. Với một cái xà beng, tôi dễ dàng nạy những viên gạch ra, rồi cẩn thận đặt cái xác dựa vào bức tường phía trong, tôi đặt nó trong thế đứng trong khi chỉ hơi mệc mệc tí thôi tôi đã xây lại tất cả y như cũ. Tôi tìm cát, vôi hồ và tóc, và hết sức cẩn thận nhào trộn chế biến thành một thứ vữa giống hệt như loại vữa cũ, và với chất liệu đó tôi xây lại tường mới. Khi đã xong, tôi thấy bằng lòng vì tất cả đều rất tốt. Nhìn từ bên ngoài, không ai có thể biết bức tường đã bị xáo trộn chút nào cả. Rác rưởi trên sàn được dọn dẹp rất chu đáo. Tôi nhìn lại chung quanh có vẻ đắc thắng, và tự nhủ mình: "ít ra là ở đây, công lao động của mình không phải là vô ích".

Bước tiếp theo của tôi là đi tìm con vật đã gây cho tôi bao nhiêu chuyện khốn khổ này; bởi, cuối cùng tôi đã quyết định là phải giết nó. Giá tìm gặp nó vào lúc này, thì chắc chắn số phận của nó đã rõ, không còn phải nghi ngờ nữa. Nhưng hình như con vật tinh ranh này đã hoảng hốt khi nhìn thấy hành động dữ tợn trong cơn giận của tôi lần trước nên tìm đường tránh không chường mặt ra trong lúc tôi đang trong cơn giận lần này. Không thể nào mô tả hoặc tưởng tượng được cảm giác sung sướng, nhẹ nhõm sâu sắc nhất ở trong lòng ngực tôi khi thấy vắng mặt con vật đáng ghét này. Suốt cả đêm, nó cũng không xuất hiện. Và như thế, từ khi con vật vào trong nhà này, ít ra là được một đêm tôi có thể ngủ yên; vâng ngủ yên mặc dầu tội ác giết người vẫn đè nặng lên tâm hồn tôi.

Ngày thứ hai, rồi ngày thứ ba trôi qua, con vật quấy rối tôi vẫn không đến. Lại một lần nữa tôi thở phào như một kẻ tự do. Con quái vật, trong cơn sợ hãi, chắc đã bỏ đi luôn rồi! Tôi sẽ không còn nhìn thấy nó nữa! Hạnh phúc của tôi thật là tuyệt vời! Tội lỗi về hành động đen tối kia cũng dần vụt tôi chút ít. Một số ít câu hỏi được đặt ra, nhưng tôi đều sẵn sàng trả lời được cả.

Có cả một cuộc thẩm tra, khám xét nữa - nhưng tất nhiên là không tìm ra được gì cả. Tôi cho rằng, sắp tới đây, hạnh phúc của tôi đã được bảo đảm chắc chắn rồi.

Đến ngày thứ tư của vụ giết người, một đội cảnh sát rất bất ngờ kéo đến, vào trong nhà lùng sục, tìm kiếm một lần nữa rất kĩ. Tuy nhiên, tin chắc vào chỗ giấu không thể nào lộ ra được của tôi, tôi không cảm thấy bối rối chút nào cả. Không một xó nào, không một góc nào họ không tìm đến. Cuối cùng, đến lần thứ ba, hay lần thứ tư, họ xuống hầm rượu. Các thớ thịt của tôi vẫn bình thường, không rung động. Tim tôi vẫn đập bình tĩnh như tim của một người vô tội. Tôi đi lại trong hầm rượu từ đầu này đến đầu kia. Tôi khoanh tay lên ngực đi qua đi lại thoải mái, nhẹ nhàng. Cảnh sát xem chừng đã thoả mãn và sắp sửa ra về. Niềm vui dậy lên trong tim tôi mạnh đến nỗi tôi không cầm được; tôi nóng lòng muốn nói lên dù chỉ một lần thôi, nhân dịp đắc thắng này, để làm cho họ tin thêm gấp đôi rằng tôi hoàn toàn vô tội. Cuối cùng, khi đội cảnh sát bước lên cầu thang :

- Thưa quý ông, tôi rất sung sướng làm bớt đi sự nghi ngờ của các ông. Tôi rất mong các ông tất cả đều khoẻ và lịch sự hơn một chút. Thôi xin chào các ông, và xin nói đây - đây là một ngôi nhà hết sức kiên cố (trong khi điên cuồng muốn được thoải mái một điều gì, tôi hầu như không biết tôi đang nói gì đây), tôi có thể nói ngôi nhà đã được xây dựng rất kiên cố, đến mức tuyệt vời. Những bức tường này - các ngài còn nhìn thấy không ? - Những bức tường này đã được kết lại với nhau rất chắc chắn.

Và nói đến đây, muốn tỏ ra dũng cảm, tôi lấy một cây gậy gỗ mạnh lên đứng vào chỗ bức tường gạch sau đó tôi đã dựng xác của người vợ yêu quý của tôi. Nhưng mong Chúa che chở và cứu tôi thoát khỏi nanh vuốt của ác Quỷ! Dư vang tiếng gõ của tôi chưa kịp chấm dứt, tôi đã nghe có tiếng đáp lại từ trong mộ vang ra - một tiếng kêu ban đầu như ghen ngào, rồi rạc như tiếng khóc

sụt sùi của trẻ con, nhưng rất nhanh chóng chuyển thành tiếng kêu dài, to lên và liên tục, một tiếng kêu rất lạ, không phải là tiếng người - một tiếng gào - một tiếng kêu nửa như hoảng hốt, nửa như đắc thắng, nghe như đâu từ địa ngục vang lên, đồng thời từ cổ họng của những linh hồn bị trừng phạt trong cơn sầu não, đau thương, và của những con quỷ cảm thấy hào hứng trong sự trừng phạt đó.

Thật không biết nói thế nào đây về tình trạng tư tưởng của bản thân tôi. Tôi, tôi như bị mất trí, loạn choạng đi về phía bức tường đối diện. Đội cảnh sát đang ở trên cầu thang bỗng đứng sững bất động trong một chốc, phần vì quá khiếp sợ, phần vì quá kinh ngạc.

Sau đó, có mười hai cánh tay khó nhọc loay hoay chỗ bức tường. Cả bức tường đổ xuống ngay lập tức. Cái thi hài đã thối rữa hết, đang đứng sừng sững trước mặt mọi người. Trên đầu xác chết, con vật ghê tởm đang ngồi đó, với cái mồm mở rộng đỏ ngầu và con mắt cô độc như ngọn lửa, con vật mà thói tình ranh của nó đã xúi tôi đi vào tội giết người và tiếng gọi báo tin của nó đã khép tôi thành người bị treo cổ. Tôi đã xây tường lấp kín con quỷ đó vào trong mồ.

Edgar Allan Poe

Bản thảo tìm thấy trong chai

Khi cuộc sống chỉ còn trong khoảnh khắc

Nào có ai muốn giấu giếm điều chi

Quinault-Atys

Về quê hương và gia đình, tôi chẳng có gì nhiều để nói. Sự bạc đãi đã khiến tôi phải rời bỏ quê hương, và rồi sau những năm tháng quá dài tôi trở thành xa lạ với cả gia đình mình. Sự giàu có của dòng họ đã giúp tôi có được một số vốn học vấn hơn người. Tôi đã suy nghĩ và sắp xếp một cách có phương pháp những gì gặt hái được trong việc học chăm chỉ trước đây. Trên tất cả, những tác phẩm của các triết gia Đức mang lại cho tôi nhiều thích thú, tất nhiên không phải do sự thần phục mù quáng, mà nhờ có thì giờ nhàn rỗi cộng với thói quen suy nghĩ một cách nghiêm nhặt, tôi đã khám phá ra những sai lầm của họ. Tôi thường bị chê trách bởi tài năng vô vị ấy. Mọi người trút vào tôi cái tội thiếu óc tưởng tượng. Còn việc tôi luôn luôn có thái độ của một người theo chủ nghĩa hoài nghi trong mọi vấn đề là điều ai cũng biết rõ. Mà thật vậy, tôi e rằng bởi quá say mê triết học vật lý nên tôi đã phạm vào điều lầm lỗi phổ thông nhất của thời đại này. Đó là thói quen luôn luôn liên hệ mọi sự việc, ngay cả khi ít có khả năng nhất, với những nguyên

lý của triết học ấy. Tóm lại, chính tôi là kẻ đáng phải chịu trách nhiệm nặng hơn ai hết nếu tôi tự để cho mình bị mê hoặc bởi những “ánh lửa chớp chòn” của óc mê tín dị đoan vượt ra ngoài ranh giới khắc nghiệt của chân lý. Tôi quyết định viết những lời nhập đề dài dòng này vì e rằng câu chuyện khó tin tôi sắp kể ra đây sẽ bị xem là điều điên rồ của một trí tưởng tượng lỗ mãng chứ không phải là một kinh nghiệm tích cực của một trí tuệ vốn vẫn xem những điều mơ mộng viễn vông chỉ là một bức thư không có người nhận và hoàn toàn vô giá trị.

Đã nhiều năm lang bạt ở nước ngoài, lần này tôi đáp tàu từ cảng Batavia nằm trên đảo Java sầm uất và giàu có để đến Archipelago thuộc quần đảo Sunda. Tôi cứ đi mãi như vậy không có mục đích gì mà chỉ bởi cái tâm trí vốn bất định của tôi cứ luôn dầy vò dằn vặt như một kẻ bị ma ám.

Chiếc tàu tôi đi rất đẹp, trọng tải khoảng bốn trăm tấn, vỏ bọc đồng, đóng tại Bombay bằng gỗ tẻch vùng Malabar. Nó chở đầy bông vải và dầu ăn từ quần đảo Lachadi. Trên tàu còn có cả sợi dừa, đường thốt nốt, bơ, hạt cacao và một vài thùng thuốc phiện. Hàng hóa chất lên tàu rất cao thả nên tàu dễ bị chòng chành.

Chúng tôi lên đường khi có gió nhẹ, suốt nhiều ngày liền tàu vẫn còn đi gần bờ biển phía đông Java. Chẳng có chuyện gì lạ để chúng tôi có thể giải khuây sự buồn tẻ đơn điệu của cuộc hành trình ngoài những chiếc thuyền nhỏ hai cột buồm với những cánh buồm hình tam giác của dân bản xứ thuộc đảo Archipelago mà chúng tôi vẫn còn ở trong hải phận của nó.

Một buổi chiều, đứng tựa lan can phía đuôi tàu, tôi nhìn thấy một đám mây lẻ loi rất kỳ lạ ở hướng tây bắc. Lạ không những vì màu sắc của nó mà còn vì đó là đám mây đầu tiên xuất hiện kể từ khi chúng tôi rời bến Batavia. Tôi chăm chú quan sát đám mây cho tới lúc mặt trời sắp lặn. Lúc ấy, thỉnh thoảng nó trải dài từ đông sang tây, che kín đường chân trời bằng một dải hơi nước

hẹp, từ xa trông giống một bờ cát dài. Tôi chuyển sự chú ý vào mặt trăng màu đỏ bầm đang từ từ xuất hiện và cái vẻ lạ lẫm của biển. Biển thay đổi thật nhanh, làn nước trở nên trong suốt một cách bất thường. Mặc dù tôi có thể nhìn rõ mồn một đáy biển, nhưng khi tôi thả dây buộc chì xuống đo mới rõ độ sâu lên đến ba mươi mét. Không khí lúc này trở nên oi bức không chịu nổi, hơi nóng bốc lên cuồn cuộn hết như ta thường thấy ở một cái bàn là nóng. Khi đêm xuống, trời không một chút gió, sự yên tĩnh khó có thể tưởng tượng nổi. Ngọn lửa cây nến cuối đuôi tàu hầu như không lay động. Một ngọn tóc cầm trên đầu ngón tay cũng không thể nào nhận ra nó có đang đưa hay không. Tuy nhiên con tàu cứ bị giật dằn vào bờ. Viên thuyền trưởng thấy không có triệu chứng nào nguy hiểm, ra lệnh cho thủy thủ cuốn buồm, thả neo. Không cắt người canh, cả đám thủy thủ, chủ yếu người Malaysia, nằm nghỉ la liệt trên sàn tàu.

Tôi bước xuống hầm tàu, lòng linh cảm điều không may. Thật vậy, những triệu chứng ấy khiến tôi lo sắp có bão. Tôi thổ lộ với viên thuyền trưởng nhưng ông ta chẳng để ý gì đến lời tôi, quay lưng đi không một tiếng trả lời. Tuy thế, lòng tôi vẫn cứ bất an, không thể ngủ được. Khoảng nửa đêm tôi lại trèo lên boong. Khi bước lên tới bậc thang trên cùng, tôi giật mình bởi tiếng rì rào rất lớn nghe như tiếng cối xay, và trước khi tôi kịp hiểu xuất xứ, toàn thân con tàu rùng lên. Ngay liền đó, một đợt sóng dữ dội hất tôi ngã xuống. Sóng rùng rùng tràn qua mọi người, quét sạch sàn tàu từ mũi đến tận lái. Sự hung hãn đến cực điểm của cơn gió hầu như lại giúp cho con tàu sóng sót. Mặc dù đã ngập hấn trong nước và các cột buồm gãy phăng, một phút sau con tàu từ từ trôi lên, lắc lư một lúc bởi sức ép quá lớn của cơn bão rồi đứng thẳng.

Nhờ điều kỳ diệu nào mà tôi thoát chết là việc không thể cắt nghĩa nổi. Tỉnh lại sau cơn choáng váng vì bị sóng đập, tôi thấy mình kẹt cứng giữa càn và

bánh lái. Khó khăn lắm tôi mới đứng dậy được. Lão đảo nhìn quanh, đầu tiên tôi nhận ra mình đang đứng giữa một cảnh đổ nát. Cho dù có một trí tưởng tượng man rợ nhất cũng phải vô cùng kinh sợ bởi tôi nhận ra con tàu đang ở giữa vùng biển sôi sục những cột nước cao như núi. Lát sau, tôi nghe tiếng của ông già người Thụy Điển, hành khách cuối cùng lên tàu vừa kịp lúc nhổ neo. Tôi lấy hết sức để gọi. Ông già nghe được, liền bước về phía lái. Chúng tôi nhận ra chỉ còn hai chúng tôi sống sót sau tai nạn vừa qua. Mọi thứ trên boong tàu đều bị quét sạch xuống biển. Viên thuyền trưởng và các sĩ quan đều chết ngạt trong cabin vì nước biển tràn vào quá nhanh. Không còn ai phụ giúp, chúng tôi khó hy vọng làm được gì nhiều cho sự an toàn của con tàu. Và thoát tiên cái hy vọng nhỏ nhoi ấy cũng bị dập tắt vì hình như con tàu sắp chìm đến nơi rồi. Dĩ nhiên sợi dây neo đã đứt phăng như một sợi dây cột đồ ngay từ khi đợt gió đầu tiên thổi tới, chứ nếu không chúng tôi đã chìm ngấm rồi. Con tàu bị gió cuốn phăng trên mặt biển. Những đợt sóng trắng xóa tung lên trên đầu chúng tôi. Bánh lái gãy hoàn toàn. Khắp con tàu hầu như bộ phận nào cũng bị hư hại đáng kể. Nhưng chúng tôi đã quá đổi mừng khi thấy những cái bơm nước không bị nghẹt và những vật nặng dùng để giằng thuyền được thả bằng không bị dời chỗ. Chúng tôi cảm thấy mỗi nguy hiểm vì gió đã giảm nhiều, nhưng khi nghĩ đến việc gió sẽ hoàn toàn ngưng thổi chúng tôi lại vô cùng kinh hãi vì tin chắc rằng trong tình trạng hư hỏng thể này con tàu sẽ bị hủy diệt dưới những cơn sóng ghê gớm. Nhưng cái điều dự đoán chính xác này dường như không trở thành sự thực ngay. Suốt năm ngày đêm, trong thời gian này chúng tôi sống bằng vài viên đường thốt nốt khó khăn lắm mới moi được ở đầu mũi tàu - con tàu trôi nhanh vùn vụt. Những cơn gió cứ tiếp tục nổi lên, không dữ dội như lúc cơn bão bắt đầu nhưng vẫn kinh khiếp hơn tất cả những gì tôi đã từng trông thấy trước đây. Suốt bốn ngày đầu, con tàu lao theo hướng

nam - đông nam, thỉnh thoảng có thay đổi một chút, và như thế chúng tôi sẽ đâm thẳng vào bờ biển Tân Hà Lan. Ngày thứ năm, trời lạnh ghê gớm, mặc dù gió đổi chiều chéch về hướng bắc. Mặt trời nhô lên với những tia sáng vàng vọt bệnh hoạn. Nó chỉ lê lên được chừng vài độ trên đường chân trời, không tỏa ra mấy chút ánh sáng. Không một đám mây nào xuất hiện, gió cứ tăng lên mãi với sự cuồng nộ bất thường. Vào buổi trưa, chúng tôi đoán như vậy, sắc thái của mặt trời lại khiến chúng tôi chú ý. Nó không tỏa ra ánh sáng, có thể nói như vậy, mà phát ra một thứ lửa u ám buồn bã như thể tất cả những tia sáng đều đã bị chiết tán. Ngay trước khi chiếu vào lòng biển trương phình, những ngọn lửa trung tâm mặt trời đột ngột tắt ngấm như thể có một sức mạnh huyền bí nào đó đang vội vàng dập tắt chúng đi. Mặt trời như một cái bánh xe màu trắng bạc nhợt nhạt cô đơn khi bắt đầu phóng vào lòng đại dương thăm thẳm.

Chúng tôi đợi cái ngày thứ sáu đến trong nỗi tuyệt vọng. Cái ngày ấy đối với tôi chưa đến, còn với ông cụ người Thụy Điển thì mãi mãi không bao giờ đến. Từ đây chúng tôi chìm trong bóng đêm đen như mực, tới đến nỗi chúng tôi không thể nhìn thấy xa quá hai mươi bước. Bóng đêm vĩnh cửu tiếp tục bao trùm chúng tôi, không hề giảm bớt chút nào bởi mặt nước biển lấp lánh ánh lân tinh như chúng ta thường thấy ở miền nhiệt đới. Chúng tôi cũng nhận thấy, mặc dù gió vẫn tiếp tục thổi và không hề giảm cơn thịnh nộ nhưng những bọt sóng trắng đã tận tình giúp đỡ chúng tôi nay không còn nữa. Chung quanh chúng tôi chỉ là sự hải hùng, bóng tối dày đặc như một sa mạc nồng nực đen tối màu gỗ mun. Một nỗi kinh khiếp mê tín trườn dần vào trí não ông cụ người Thụy Điển. Còn tâm hồn tôi thì chìm vào một nỗi ngờ vực câm lặng. Chúng tôi không thiết săn sóc con tàu nữa. Việc đó đã trở nên vô ích. Dán người sát vào chân cột buồm thấp nhất, chúng tôi cay đắng đưa mắt nhìn vào đại dương thăm thẳm. Chúng tôi không còn phương tiện nào

để đoán biết thời gian và cũng không cách nào đoán biết được chúng tôi đang ở vào hoàn cảnh như thế nào. Tuy nhiên chúng tôi vẫn biết chắc rằng con tàu đã đi rất xa về phương nam hơn bất cứ nhà hàng hải nào và rất ngạc nhiên là tại sao vẫn chưa gặp những chướng ngại thường thấy là những tảng băng trôi. Dù vậy mỗi phút vẫn đe dọa là phút cuối cùng trong đời. Từng con sóng khổng lồ lao tới như muốn nuốt chửng chúng tôi. Sóng là cái gì vượt quá sức tưởng tượng của tôi. Mỗi lần sóng đi qua mà con tàu chưa bị chôn vùi là cả một điều kỳ diệu. Ông già đồng hành của tôi nói rằng hàng hóa trên tàu chưa đủ nặng và nhắc tôi nhớ đến phẩm chất tuyệt hảo của con tàu.

Nhưng tôi hoàn toàn không hy vọng mình có thể thoát nạn. Lòng buồn rầu, tôi chuẩn bị cho cái chết mà tôi nghĩ sẽ đến trong vòng không quá một tiếng đồng hồ nữa. Vượt qua mỗi hải lý sóng biển đen đui khổng lồ càng âm u khủng khiếp hơn. Nhiều lần chúng tôi nín thở khi con tàu leo lên đến độ cao của chim hải âu, rồi lại xây xẩm choáng váng khi nó lao xuống cái địa ngục bằng nước với một tốc độ kinh hoàng. Ở đó không khí như ứ đọng lại, tuyệt đối không có một âm thanh nào khuấy động đến giấc ngủ loài thủy quái.

Chúng tôi đang ở dưới đáy của một trong những vực thẳm như thế thì bỗng tiếng la thất thanh của ông bạn đồng hành vỡ ra trong bóng tối:

- Kìa, kìa! - Ông cụ hét lớn vào tai tôi - Lạy chúa quyền năng! Hãy nhìn kìa!

Tôi nhìn thấy một vầng sáng màu đỏ lù mù, ảm đạm đang lao xuống theo triền vực bao la, nơi chúng tôi đang ở tận đáy, hắt sang sàn tàu chúng tôi những tia sáng lay lắt. Ngược mắt nhìn lên, tôi bắt gặp một cảnh tượng khiến cho máu trong người như đông lại. Ở một độ cao kinh khủng, ngay trên đầu chúng tôi, sát bên mép bờ vực, lượn lờ một con tàu khổng lồ ước phải đến bốn ngàn tấn. Mặc dù con tàu đang đứng trên đầu một ngọn sóng cao gấp trăm lần chiều cao của chính nó nhưng trông nó vẫn lớn hơn bất kỳ con tàu nào của Công ty Đông Ấn. Cái vỏ khổng lồ của nó sơn một màu đen kịt,

không chạm trở hình vẽ như vẫn thường thấy. Chỉ có một dãy đại bác bằng đồng chĩa mũi ra từ các ô cửa sổ để mở, bề mặt bóng láng của nòng súng phản chiếu lấp lánh ánh sáng từ những ngọn đèn tín hiệu treo đung đưa lắc lư giữa các cột buồm. Nhưng điều làm chúng tôi kinh ngạc nhất là con tàu ấy giương hết buồm lên mà chạy giữa những chiếc răng nanh khổng lồ của biển siêu nhiên đang lên cơn giông tố cuồng dại này. Đầu tiên, chúng tôi chỉ nhìn thấy phần mũi của con tàu lạ vì nó đang chậm chạp ngoi lên đỉnh vực. Trong một thoáng, con tàu bỗng ngưng lại, ngay trên cái đỉnh cao tít ấy, như thể để trầm tư về sự siêu việt của mình. Rồi rùng mình một cái, nó bắt đầu chúi mũi lao xuống.

Ngay lúc ấy, không hiểu sao sự bình tĩnh chợt trở lại với tôi. Cố lao người về phía lái, tôi chờ đợi không một chút sợ hãi giây phút hủy diệt. Cuối cùng con tàu chúng tôi chấm dứt cuộc chiến đấu. Nó cắm mũi vào lòng biển. Cái khối khổng lồ đang lao xuống kia cuối cùng đã xô vào chúng tôi ở phía lườn tàu vốn đã mấp mé nước. Việc đó dẫn đến một kết quả phi thường. Sức chấn động hất tung tôi lên không và sau đó tôi rơi ngay xuống lòng con tàu lạ. Khi tôi rơi xuống, con tàu lạ khựng lại một giây rồi chợt đổi hướng. Nhờ sự nhộn nhạo ấy mà tôi đã thoát khỏi sự chú ý của các thủy thủ. Không khó khăn gì lắm và cũng chẳng bị ai nhìn thấy, tôi tìm ra lối đi chính xuống hầm tàu. Lúc ấy cửa đang khép hờ, tôi dễ dàng chọn được một chỗ trốn. Thật khó mà nói tại sao tôi lại làm thế. Một cảm giác sợ hãi mơ hồ khi nhìn thấy dáng vẻ của những người trên tàu có lẽ là nguyên nhân chính của hành động này. Tôi không dám tin tưởng vào loại người mà ngay từ cái nhìn đầu tiên đã cảm thấy có quá nhiều điểm xa lạ mù mờ, ngờ vực và đầy sợ hãi. Vì thế tôi nghĩ tốt hơn nên tìm một chỗ ẩn náu trong hầm tàu. Dỡ một mảnh ván cạp vách, tôi dễ dàng tạo được chỗ ẩn giữa những cột kèo đồ sộ của con tàu.

Có tiếng bước chân trong hầm tàu ngay khi tôi vừa làm xong công việc. Tôi

liền chui vào hốc trốn. Một người đàn ông bước ngang qua chỗ tôi ẩn nấp, dáng đi chậm chạp không vững. Tôi không thấy rõ khuôn mặt nhưng lại có dịp quan sát hình tướng chung của gã. Có những nét cho thấy hẳn gã rất lớn tuổi và yếu ớt. Đầu gối của gã như muốn khuỵu xuống dưới sức nặng của năm tháng, toàn thân run rẩy. Gã làm bầm với bản thân bằng một thứ tiếng trầm trầm xa lạ tôi không hiểu được. Gã lục soạn trong góc hầm tàu chất đầy dụng cụ kỳ quái và những bản đồ hàng hải đã rách nát. Bộ tịch của gã là một sự trộn lẫn man rợ giữa sự cáu kỉnh của một ông già đang hồi trở lại thời trẻ thơ và sự oai vệ của một vị thần. Cuối cùng, gã quay lên boong và tôi không còn nhìn thấy gã nữa.

..... (*)

Một cảm giác không tên tuổi vây kín tâm hồn tôi, một cảm giác không mong được phân tích. Với nó, không có sách vở nào thích hợp cả. Và tôi e rằng cả trong tương lai cũng không thể tìm được lời giải đáp. Đối với tôi, đây đúng là một điều khủng khiếp. Tôi sẽ không bao giờ - tôi biết chắc sẽ không bao giờ - nhìn nhận bản chất của những ý niệm này. Dù sao cũng không lấy gì làm lạ về những cảm giác này bởi chính nó đã bắt nguồn từ một câu chuyện hoang đường. Một cảm giác mới lạ, một thực thể hoàn toàn mới đã ghi vào tâm hồn tôi.

....

Đã qua một thời gian khá lâu kể từ khi tôi lọt vào con tàu khủng khiếp này. Tôi nghĩ rằng giờ đây, mọi nẻo lối của số phận tôi đang quy về một điểm. Chìm trong cơn mặc tưởng nào đó mà tôi không thể nào hiểu nổi, những thủy thủ hờ hững đi ngang qua trước mặt tôi mà không buồn chú ý. Phần tôi, quả thật là thừa khi vội tìm chỗ trốn. Bởi chính họ có muốn trông thấy gì đâu. Mới lúc nãy đây, tôi đi ngang trước mặt viên thuyền phó. Và cũng chẳng lâu gì, tôi đã mạo hiểm vào tận phòng viên thuyền trưởng. Tôi lấy ở

đầy được một ít giấy và đang dùng để viết. Thỉnh thoảng tôi lại viết tiếp những trang bản thảo này. Thực ra tôi không có cách nào truyền lại cho thế giới bên ngoài. Nhưng tôi sẽ cố thử xem. Vào phút cuối, tôi sẽ bỏ những trang bản thảo này vào một cái chai đóng kín và thả xuống biển.

...

Một vài biến cố vừa xảy ra khiến tôi phải suy nghĩ. Có phải tất cả những điều này là một cuộc run rủi rủi may hay không? Tôi đã mạo hiểm bước lên boong, nằm dài xuống giữa những đóng dây thừng và buồm cũ hoặc trong chiếc xuồng nhỏ mà chẳng ai chú ý cả. Trong khi suy nghĩ miên man về số phận kỳ quặc của mình, tôi lơ đãng cầm chiếc bàn chải chải hắc ín bôi lên một tấm buồm phụ được xếp cẩn thận đặt trên một cái thùng tròn. Cánh buồm phụ bây giờ đang được căng lên, chiếc bàn chải vô tình lúc nãy đã viết thành hai chữ: khám phá.

Ở trên, tôi có tả sơ qua kiến trúc của con tàu. Mặc dù được trang bị đại bác nhưng theo tôi, nó không phải là một chiếc tàu chiến. Cấu trúc và trang thiết bị đều không phải của tàu chiến. Nhưng nó thực sự là loại tàu gì thì tôi e rằng khó xác định. Tôi không biết tại sao như thế. Nhìn vóc dáng lạ lẫm, kỳ quặc của các cột buồm, những bộ buồm khổng lồ cao vợi vợi, cái mũi tàu quá đơn giản, phần đuôi cẩu lố, trong tôi chợt lóe lên một tia sáng từ ký ức mơ hồ hỗn độn. Đó là những hình ảnh gợi nhớ về một triều đại cổ xưa ở một vương quốc nào đó.

...

Tôi nhìn kỹ loại gỗ làm sườn tàu. Đó là thứ vật liệu hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tính chất đặc biệt của gỗ khiến tôi phải nghĩ rằng nó không thích hợp với mục đích sử dụng. Tôi muốn nói rằng nó hoàn toàn xộp, không phải do bị mối ăn mà bởi đã đi lại quá nhiều trên biển, cũ đến mục ruỗng. Tôi quan sát thấy một điều rất đỗi kỳ lạ, loại gỗ này có đủ mọi đặc tính của loại sến

Tây Ban Nha, nếu như gỗ sến Tây Ban Nha có thể xẻ ra được bằng những dụng cụ nhân tạo.

Đọc lại đoạn vừa viết, tôi chợt nhớ đến câu nói kỳ quặc của một con sói biển già người Hà Lan: “Cái điều ấy e cũng chắc chắn”. - Ông thường nói vậy khi tấm lòng trung thực của ông bị một nỗi nghi ngờ xâm chiếm. - “Như trên đời này có một vùng biển mà ở đó những con tàu lại có thể phình lớn như thân thể của một thủy thủ”.

...

Tôi chen vào đám thủy thủ được hơn một giờ. Mặc dù tôi đứng ngay giữa bọn họ nhưng dường như sự có mặt của tôi hoàn toàn nằm ngoài nhận thức của họ. Giống như người đầu tiên tôi nhìn thấy dưới hầm tàu, tất cả những thủy thủ đều râu tóc bạc phơ. Đầu gối không còn giữ vững, lưng còng xuống với tuổi tác, làn da run run trước gió rét, giọng nói trầm trầm rề rề, đôi mắt suy yếu kèm nhem nước mắt, mái tóc bạc phát phơ trong gió một cách kỳ dị. Chung quanh họ, khắp cả sàn tàu, rải rác những dụng cụ toán học kiểu rất cổ, không còn thích hợp.

...

Ở trên, tôi có nói chuyện những cánh buồm phụ được căng lên. Kể từ lúc ấy, con tàu lồng gió phóng thẳng về hướng nam, tiếp tục cuộc hành trình khủng khiếp. Mọi cánh buồm đều căng phồng, từ buồm chính trên đỉnh đến những cánh buồm phụ bên dưới. Những đòn tay buồm chòng chành nghiêng ngả như muốn thọc vào cái địa ngục bằng chất lỏng khủng khiếp mà óc tưởng tượng của con người có thể nặn ra được. Tôi vừa mới rời boong tàu vì ở đó khó mà đứng vững trên hai chân mặc dù các thủy thủ vẫn bình thản đi lại. Tôi cảm thấy quá đổi kỳ diệu khi cái khối khổng lồ này vẫn chưa chịu chìm đắm vĩnh viễn. Chúng tôi hẳn đã bị trời đày phải mãi mãi đi vòng quanh cái mép rìa của sự vĩnh cửu mà chẳng bao giờ được phép thực hiện cú nhảy cuối

cùng dễ lao vào vực thẳm. Trên những con sóng to lớn kinh dị gấp ngàn lần trước đây, chúng tôi lướt đi nhanh như loài én biển. Những đợt sóng khổng lồ ngóc đầu chồm lên chúng tôi như những con thủy quái. Nhưng chúng chỉ doạ nạt chứ không được phép tàn phá. Tôi cho rằng sở dĩ con tàu thoát nạn mãi như thế chỉ là nhờ vào nguyên nhân tự nhiên. Và chỉ như vậy mới có thể cắt nghĩa nổi những kết quả thế này. Tôi cho rằng có lẽ con tàu đang nằm trong ảnh hưởng của dòng hải lưu cuộn cuộn nào đó hoặc giả có dòng nước ngầm rất mạnh ngay bên dưới con tàu.

...

Tôi đã nhìn tận mặt viên thuyền trưởng, ngay trong cabin của ông ta, nhưng như tôi đã đoán trước, ông ta hoàn toàn không chú ý gì đến tôi. Mặc dù vẻ bề ngoài của ông ta chẳng có gì khác hơn một người đàn ông bình thường, nhưng một cảm giác kính trọng và sợ hãi trộn lẫn niềm kinh ngạc nào đó vẫn khiến tôi ngưỡng mộ ông ta. Về hình dạng, ông ta cao ngang bằng tôi, khoảng một mét sáu lăm. Dáng vóc ông chắc gọn nhưng không có vẻ mạnh mẽ hay đáng chú ý. Có lẽ do cái vẻ đặc biệt biểu lộ trên khuôn mặt ông ta, một bằng chứng khốc liệt và dữ dội của tuổi tác già nua quá độ - già nua trọn vẹn, gợi trong tôi một ý tưởng, một cảm giác khó tả. Vàng trán của ông dù ít nếp nhăn nhưng vẫn hằn rõ dấu ấn năm tháng chồng chất. Mái tóc xám như một bản ghi chép của quá khứ. Và đôi mắt xám hơn cả mái tóc lại như một bầu phù thủy của tương lai. Trên sàn phòng bày la liệt những xấp giấy tờ có nẹp sắt, những dụng cụ khoa học méo mó cũ kỹ, những tấm bản đồ đã lâu không dùng đến. Hai tay ông ta bung đầu, đôi mắt sáng quắc và lo âu chú mục vào một tờ giấy mà tôi cho là tờ chiếu chỉ bởi trên mặt giấy có đóng dấu triện của nhà vua. Ông ta cũng nói lầm bầm, như người thủy thủ đầu tiên tôi nhìn thấy trong hầm tàu, giọng trầm trầm cầu nhàu của một thứ tiếng nào đó lạ hoắc. Và mặc dù ông ta ở sát ngay bên cạnh mà tôi nghe như ở tận dặm xa

nào vọng lại.

...

Con tàu và những thứ nó mang theo đều nhuộm màu một thời đại xa xưa nào. Các thủy thủ thì đi lại như bóng ma của những thế kỷ đã bị chôn vùi, đôi mắt toát ra một sự hăm hở và lo âu. Nhìn những bàn tay của họ rơi bóng nghiêng nghiêng dưới ánh sáng những ngọn đèn tín hiệu, trong tôi dấy lên một cảm giác chưa từng có, mặc dù suốt đời tôi là một kẻ say mê đồ cổ, đã nhập nhèm trong bóng mát các cột trụ đèn đài đồ nát ở Balbec, Tador, Persepolis cho đến nỗi chính bản thân tôi cũng trở thành một thứ đồ cổ.

...

Nhìn lại chung quanh, tôi cảm thấy xấu hổ về những mối lo sợ ban đầu của mình. Nếu tôi đã khiếp hãi trước cơn bão vẫn đang theo đuổi chúng tôi cho đến tận bây giờ thì lúc này tôi sẽ khiếp hãi đến nhường nào trước sự đụng độ giữa gió và biển, mà để diễn đạt điều này, những từ như lốc xoáy, bão tố thật là tầm thường và thiếu sót: vây quanh con tàu là bóng tối của đêm đen vĩnh cửu và một khối nước khổng lồ đang đảo lộn nhưng không sủi lên một chút bọt nào. Từ phía xa, cách chúng tôi khoảng một dặm, có thể nhìn thấy lờ mờ những bức tường thành khổng lồ và vĩnh cửu của băng giá đứng chọc thẳng vào bầu trời âm đạm, trông giống những bức tường của ngôi nhà vũ trụ.

...

Như tôi đã nghĩ đến lúc này, con tàu có vẻ đang bị cuốn đi bởi một dòng hải lưu, nếu tôi có thể dùng từ này để gọi con thủy triều đang gầm rú chảy ào qua vùng băng giá trắng xóa. Dòng hải lưu ấy vừa rền lên như sấm vừa lao băng băng về phương nam với tốc độ một con thác đang chúi đầu đổ xuống.

...

Tôi cho rằng khó ai hiểu được cảm giác kinh hoàng của tôi. Tuy vậy sự tò mò muốn lý giải những bí mật của vùng biển kỳ dị này đã thắng được cơn sợ

hải trong tôi. Nó giúp tôi cảm thấy dễ chịu trước khuôn mặt xấu xí của thần chết. Rõ ràng là chúng tôi đang vội vã lao vào một sự hiểu biết kỳ thú nào đó, một thứ bí mật không bao giờ có thể chia sẻ cùng ai và kẻ nào biết được phải trả giá bằng cái chết. Có lẽ dòng nước này sẽ dẫn chúng tôi đến tận Bắc Cực. Phải thấy rằng giả thuyết này cũng có nhiều cơ sở để trở thành sự thật.

...

Những thủy thủ đi lại trên boong với bước chân bồn chồn run rẩy. Nhưng vẻ mặt của họ vẫn phảng phất một niềm hưng phấn đầy hy vọng hơn là nỗi thờ ơ của sự tuyệt vọng.

Lúc này, gió vẫn thúc vào lưng chúng tôi. Khi giương hết buồm lên, con tàu như muốn bay bổng lên khỏi mặt biển.Ồ, thật là khủng khiếp! Băng giá chợt rẽ ra bên phải rồi bên trái và chúng tôi bắt đầu quay tít theo những vòng tròn đồng tâm rộng lớn. Quay và quay theo những đường xoáy của một hý trường vĩ đại. Bên trên con vực là bóng đen mịt mù thăm thẳm. Tôi chẳng còn bao nhiêu thời gian để suy ngẫm về số phận mình nữa. Những vòng tròn đang nhanh chóng thu hẹp lại. Chúng tôi đang phóng như điên cuồng vào giữa vòng ôm của vực xoáy giữa tiếng gầm gừ, rú rít, rền rĩ của đại dương bão tố. Con tàu bỗng rung mình - ôi, Thượng đế! - và chìm xuống. (*)

Hoàng Văn Quang dịch từ nguyên bản tiếng Anh

Văn học nước ngoài, số 3, tháng 5-6/2004, số kỷ niệm 195 năm sinh E.A.Poe (1809-2004)

Chú thích:

(*) Tác giả để trống vài hàng.

(*) Truyện Bản thảo tìm thấy trong chai được in lần đầu tiên năm 1831. Rất nhiều năm về sau, tôi mới biết đến những bản đồ do Mecrator vẽ, trong đó đại dương được thể hiện như đồ vào vực Bắc Cực bằng bốn cửa rồi mất hút

trong lòng quả đất. Bản thân Bắc Cực được biểu đạt bằng một tảng đá đen
cao ngھều ngھện lạ thường. (TG)

Edgar Allan Poe

Con quạ

"... Poe đã viết một bài thơ nổi tiếng mà tất cả chúng ta đều biết, nổi tiếng quá đáng bởi đó không phải là một trong những bài thơ hay nhất của ông: bài *Con quạ*. Sau đó, trong một cuộc nói chuyện ở Boston, ông đã giải thích quá trình sáng tác bài thơ.

Đầu tiên, ông nhận thấy vai trò quan trọng của điệp khúc, sau đó ông nghĩ đến ngữ âm của tiếng Anh. Ông khẳng định rằng hai âm dễ ngân vang và có hiệu quả nhất của tiếng Anh là “o” và “r”. Thế là ngay lập tức ông tìm ra cụm từ *never more*, "không bao giờ nữa". Khởi đầu chỉ có vậy. Sau đó xuất hiện một vấn đề: phải làm sao để hợp lý hóa việc nhắc đi nhắc lại hai từ này, bởi vì nói chung nếu để một người làm việc đó thì không được tự nhiên lắm. Ông tự nhủ *không được quá lý trí*, và điều đó dẫn ông tới ý tưởng về một con chim biết nói. Ông đã nghĩ tới vẹt, nhưng loài chim này không có được những phẩm chất mà thơ ca đòi hỏi. Thế là ông chọn một con quạ. Nói một cách trung thực, khi đó ông đang đọc cuốn tiểu thuyết của Charles Dickens, *Barnaby Rudge*, trong đó có chuyện một con quạ. Thế là ông có một con quạ tên là *Never more* và nó không ngừng nhắc lại tên mình. Đó là tất cả những gì Edgar Poe có lúc ban đầu.

Sau đó ông tự nhủ: sự kiện nào đáng buồn nhất, đau khổ nhất? Chắc chắn đó là cái chết của một cô gái đẹp. Ai sẽ là người đau khổ nhất khi nghe cái tin ấy? Dĩ nhiên, đó là người yêu của nàng. Thế là ông nghĩ tới một chàng trai vừa mất người yêu, người yêu có tên là *Leonore*, để vãn với *Never more*. Chàng trai khi đó đang ở đâu? Poe suy nghĩ: con quạ màu đen. Màu đen nổi bật nhất trên nền màu gì? Màu trắng. Vậy ta hãy chọn màu trắng của bức tượng, một bức tượng của ai nhỉ? Ta hãy chọn bức tượng của Pallas Athènes. Bức tượng đặt ở đâu? Trong thư viện. Edgar Poe giải thích rằng để bài thơ được thống nhất, cần phải chọn một nơi kín đáo.

Vậy là ông đặt bức tượng Minerve trong thư viện. Chàng trai ngồi một mình trong đó, giữa những quyển sách của chàng và thương khóc người yêu đã chết, *so lovesick more*. Sau đó con quạ bay vào. Tại sao con quạ lại bay vào? Như ta đều biết, thư viện là một nơi yên tĩnh, vậy cần phải đưa ra một cái gì đó trái ngược: Edgar Poe tưởng tượng ra một trận bão. Đêm giông bão đã ném con quạ vào thư viện.

Chàng trai hỏi tên con quạ, nó kêu lên: *never more*. Chàng trai đau khổ vật vã, tiếp tục hỏi nhưng nó trả lời tất cả những câu hỏi đó bằng cách lặp đi lặp lại: *never more, never more, never more*, không bao giờ nữa. Nhưng chàng trai vẫn hỏi, hỏi mãi. Cuối cùng chàng trai nói với con quạ điều mà ta có thể coi là ẩn dụ đầu tiên của bài thơ: *Hãy tống khứ cái mớ của mày ra khỏi trái tim tao rồi rút ra khỏi cửa*. Con quạ, (đã trở thành biểu tượng của ký ức, một ký ức - đáng buồn thay - bất tử), con quạ ấy đáp: *never more*. Chàng trai hiểu rằng chàng đã bị kết án chung thân, rằng trong suốt quãng đời còn lại, quãng đời kỳ ảo còn lại, chàng sẽ phải chuyện trò với con quạ, con quạ chỉ biết khẳng định một điều duy nhất: không bao giờ nữa. Chàng sẽ suốt đời phải đặt cho nó những câu hỏi mà chàng đã biết trước câu trả lời. Nói cách khác, Edgar Poe muốn chúng ta tin rằng ông đã viết một bài thơ lý trí.

Nhưng chỉ cần nghiên cứu chủ đề của bài thơ kỹ hơn một chút, chúng ta sẽ nhận thấy rằng điều đó là giả tạo. Edgar Poe hoàn toàn có thể thực hiện được ý tưởng sáng tác một cách duy lý của mình nếu chọn một gã dở hơi hay một người say rượu thay cho con quạ. Khi đó chúng ta sẽ có một bài thơ khác hẳn và khó giải thích hơn."

(Jorge Luis Borges, *Về truyện trinh thám*, Ngô Tự Lập dịch)

Một đêm nao lúc giữa đêm buồn thảm, tôi đương ngẫm ngợi mệt lả và rã rời
Trước cuốn sách chẳng còn ai nhớ đến khá lạ kỳ và xưa cũ
Tôi đương gà gât gần như thiếp đi, đột nhiên có tiếng đập vào cửa
Như có ai nhẹ nhàng gõ cửa - gõ vào cửa buồng tôi
“Có khách nào”, tôi khẽ nói, “đập vào cửa buồng” -
Chỉ vậy thôi chẳng có gì hơn nữa

À, tôi nhớ rõ, một đêm tháng chạp lạnh lẽo
Mỗi thanh củi chết dần tro than, đổ hồn bóng của nó lên sàn
Tôi da diết muốn trời mau sáng; - đã hoài công mượn chồng sách
mong ngời ngốt cơn sầu - nỗi sầu nàng Lenore đã mất
Người trinh nữ rạng ngời hiếm có, được thiên thần gọi tên Lenore
Giờ tên nàng chẳng còn trên đời nữa

Và tiếng lụa xột xoạt mơ hồ buồn bã của từng tấm rèm hồng tía
Làm tôi rùng mình - tràn ngập hồn tôi nỗi khiếp sợ lạ kỳ chưa cảm thấy bao giờ
Để bình tâm tôi lại tự nhủ mình,
“Có vị khách nào đứng ngoài cửa nài nỉ xin vào
Một vị khách muộn màng nào đó, đứng ngoài cửa nài nỉ xin vào” -

Thế thôi, chẳng có gì hơn nữa

Lúc này tôi đã vững tâm hơn, chẳng còn e ngại nữa

“Quý ông hay quý bà”, tôi bảo,” thực lòng xin thứ lỗi

Quả tình tôi đương thiếp ngủ, mà quý vị lại gõ quá nhẹ nhàng

Lại đập quá khê khàng - đập cửa buồng tôi

Tôi không dám chắc là đã nghe tiếng gõ” - và đây tôi mở rộng cửa

Ngoài đó đêm đen chẳng có gì hơn nữa

Nhìn sâu vào đêm thẳm, tôi đứng đó thật lâu ngạc nhiên, sợ hãi

Lòng nghi hoặc, mơ những giấc mơ chẳng người trần nào từ trước dám mơ

Nhưng im lặng vẫn hoàn im lặng, và bóng đêm chẳng hé lộ điều gì

Và chỉ một từ được thốt lên, tiếng thì thầm “Lenore!”

Tiếng thì thầm của chính tôi, và lầm rầm nghe vọng lại “Lenore!”

Chỉ vậy thôi chẳng còn gì hơn nữa

Trở lại phòng, cả hồn tôi rục rịch

Rồi tôi lại nghe một tiếng đập, nghe chừng còn mạnh hơn lần trước

“Chắc là”, tôi tự nhủ, “chắc có gì động ngoài song cửa

Hẵng thử xem ngoài ấy có gì, rồi sẽ tìm ra bí ẩn này

Hẵng cứ bình tâm giây lát, rồi sẽ tìm ra bí ẩn này

Là gió thôi, chẳng có gì hơn nữa

Tôi mở tung cánh cửa, con quạ vung vỉnh vỗ cánh dòn dập bước vào

Một con quạ bệ vệ, trang nghiêm của những ngày thiêng xưa cũ

Chẳng hề cung kính, không lúc nào dừng lại hay đứng yên

Mà với bộ mặt đài các kiêu kỳ đậu vào phía trên cánh cửa buồng tôi

Đậu trên tượng bán thân thần Pallas, đặt ngay phía trên cánh cửa buồng tôi
Đậu chễm chệ thế thôi, chẳng có gì hơn nữa

Thế rồi với bộ dạng trình trọng nghiêm nghị
Con chim màu mun này làm tôi nguôi đi, lòng đương sầu muộn chợt thấy
buồn cười
“Cho dù đầu người bị xén trụi lông rồi”, tôi bảo, “nom người chẳng nổi nào
hèn nhất”
Con quạ khùng khiếp và cổ lỗ bay lang thang thoát khỏi bờ Đêm
Cho ta biết quý danh người nơi bờ Đêm địa ngục
Con quạ kêu lên: “Không bao giờ nữa”

Tôi kinh ngạc xiết bao khi nghe con chim lông ngóng vụng về này phát
thành lời rõ thế
Dù câu trả lời khá vô nghĩa - vu vơ
Bởi tôi cũng như bạn không thể tin rằng một ai trên đời này
Có điểm phúc được thấy loài chim hay thú nào trên cánh cửa phòng mình
Nó đậu ngay trên pho tượng phía trên cửa phòng mình
Với một cái tên: “Không bao giờ nữa”

Nhưng con quạ đơn độc đậu trên pho tượng câm lặng ấy,
Chỉ nói mỗi một từ, dường như nó trút cạn cả linh hồn vào đó
Rồi nó chẳng thốt thêm lời nào, lặng yên không động cánh
Cho đến khi tôi khẽ thì thầm: “Bạn bè đã bỏ tôi bay biến đi từ trước -
Và ngày mai nó lại sẽ bỏ tôi, như bao hi vọng đã bay đi từ trước
Lời quạ kêu lên: “Không bao giờ nữa”

Giật mình trước sự yên tĩnh bị phá vỡ bởi tiếng trả lời rất đanh và rõ
Tôi liền bảo: “ Chắc lời nó thốt ra là toàn bộ vốn liếng ngôn từ
Lấy từ một ông chủ bất hạnh mà tai ương tàn khốc
Bám riết theo cho đến khi những bài ca nước mắt
Và những lời ai điếu Niềm Hi Vọng hắt than vãn u buồn trĩu nặng
“Không bao giờ- không bao giờ nữa”

Con quạ cứ thế làm tôi khuây khỏa, tâm hồn đương buồn bã lại muốn mỉm
cười
Tôi bèn lê thẳng chiếc ghế nệm tới trước con chim, trước pho tượng bán thân
và cánh cửa
Rồi lún ngập trong nhung đệm, tôi miên man tưởng tượng
Nghĩ ngợi con chim quái gở này từ thửa xa xưa -
Con chim ác nghiệt, thô vụng, rùng rợn buồn thảm và quái gở từ thửa xa xưa
Muốn nói gì khi kêu lên “Không bao giờ nữa”

Đến lúc này, tôi đành ngồi ngẫm đoán, không nói một lời với con chim kiêu
bạc
Mà đôi mắt rực lửa thiêu đốt tận tâm can
Đến lúc này, ngồi dần dà đoán thêm, đầu nhẹ nhàng ngả trên nhung tím
Nơi ánh đèn hau háu trùm lên
Nhưng chiếc gối bọc nhung tím ánh sáng đèn hau háu trùm lên
Nàng sẽ chẳng ôm ghì được nữa - không bao giờ nữa

Rồi tôi cảm thấy khí trời đậm đặc hơn, đượm mùi thơm từ một lư hương vô
hình
Dung đưa trên tay thiên thần mà tiếng chân buông khẽ vang trên thảm

“Thân làm tội đời”, tôi gào lên,” Chúa đã ban cho ngươi và qua những thiên thần này

đã gửi tới cho ngươi niềm khuây khoả - niềm khuây khoả và rượu giải sầu để lãng quên Lenore.”

Hãy uống, hãy uống đi chút rượu giải sầu này và quên đi nàng Lenore đã mất

Con quạ kêu: “Không bao giờ nữa”

“Kẻ báo điềm kia!” - Tôi bảo. - “Đồ tai ác kia! Ngươi lặng thinh là chim hay là quạ”.

Quạ cảm dỗ phái ngươi đến, hay bão táp quăng ngươi dạt vào bến bờ này
Vừa cô độc lại vừa ngênh ngang khinh bạc, trên mảnh đất thần diệu hoang vu này

Trong ngôi nhà ám ảnh rừng rợn ấy - ta van ngươi hãy nói thật ta nghe.

Có chăng, liệu có chăng nhựa hương vùng Gilead?

Con quạ kêu lên: “Không bao giờ nữa”

“Kẻ báo điềm kia!” - Tôi bảo. - “Đồ tai ác kia! - Ngươi lặng thinh. Là chim hay là quạ”.

Có trời cao nhìn xuống chúng ta, có chúa mà hai ta tôn thờ

Xin hãy bảo cho tâm hồn đang trĩu nặng buồn thương, xem trên cõi thiên đường xa xôi

Nó có còn được siết vào lòng người trinh nữ thánh thiện được các thiên thần gọi tên Lenore

Siết chặt người trinh nữ rạng ngời, hiem có được các thiên thần gọi tên Lenore

Con quạ kêu lên: “Không bao giờ nữa”

“Là chim hay là quỷ, lời người kia là dấu hiệu của chia lìa”. - Tôi đứng phắt
dậy gào lên

Hãy quay về với dông bão và bờ Đêm địa ngục

Đừng bỏ lại một chiếc lông đen nào làm bằng cho lời dối trá mà hồn người
vừa phun ra

Cút khỏi pho tượng trên cánh cửa buồng ta

Hãy rút mở ra khỏi tim ta và mang hình hài người biến sau khung cửa

Con quạ đáp lời: “Không bao giờ nữa”

Và con quạ không hề động cánh, vẫn im lìm, tọa im lìm

Trên bức tượng xanh xao, tượng Pallas bán thân bên trên cánh cửa

Và mắt ấy, mắt quỷ đương mơ ngủ,

Và ánh đèn trên cao đổ bóng

Và hồn tôi khi nào thoát khỏi

Bóng quạ đen đập dềnh trên sàn

Không thể nào bay lên - không bao giờ nữa!

Hoàng Tố Mai dịch từ nguyên bản tiếng Anh

Edgar Allan Poe

Eleonora

Linh hồn được cứu vớt bằng một sự bảo vệ có hình thức đặc biệt!

Raymond Lully

Tôi xuất thân từ một dòng dõi nổi tiếng bởi trí tưởng tượng mãnh liệt và niềm đam mê sôi nổi. Mọi người gọi tôi là thằng điên; nhưng chuyện đó còn phải bàn: liệu sự điên cuồng phải chăng là trí thông minh cao quý nhất, rằng liệu tất cả những gì vinh quang, tất cả những gì sâu sắc phải chăng đều khởi nguồn từ bệnh tưởng - từ những trạng thái thăng hoa của tinh thần mà cái giá phải trả là trí năng nói chung bị thui chột. Những người mơ mộng ban ngày sẽ hiểu biết được nhiều điều vốn vẫn thường vượt khỏi những người chỉ mơ vào ban đêm. Trong những mộng tưởng xám xịt họ nắm bắt được những vệt thoáng của cái vĩnh hằng, và khi thức dậy, họ rùng mình nhận ra rằng họ vừa sống bên bờ của điều bí mật vĩ đại. Trong những thoáng chốc, họ biết được vài điều thông thái vốn thuộc về cái thiện nhưng lại có nhiều kiến thức hơn về cái ác. Tuy nhiên, dù mơ mẫm hay mơ hồ thế nào, họ cũng đã thâm nhập được vào đại dương mênh mông của thứ “ánh sáng khôn tả”, và hơn nữa, như những cuộc phiêu lưu của nhà địa lí Nubia, “họ thâm nhập vào đại dương của bóng tối để có thể khám phá những gì trong đó”. 2

Vậy thì, chúng ta sẽ nói rằng tôi điên. Tôi thừa nhận, ít nhất có hai tình trạng khác biệt trong sự hiện tồn tinh thần của tôi: tình trạng của một lý trí sáng suốt, không cần bàn cãi, thuộc về ký ức của những sự kiện làm nên thời kỳ đầu tiên của đời tôi, và một tình trạng của bóng tối và hoài nghi, thích hợp với hiện tại và với những gì tạo nên giai đoạn lớn thứ hai của đời tôi. Do vậy, những gì tôi sẽ kể về giai đoạn đầu, bạn hãy tin đi, còn những thuộc giai đoạn sau, bạn thấy những gì tin được thì tin, thấy đáng ngờ thì cứ nghi ngờ, hoặc, nếu không thể nghi ngờ thì hãy giải câu đố của nó bằng cách nghĩ đến

tấn tuồng Oedipus.

Cô gái tôi yêu thời trai trẻ, và những kỉ niệm về nàng mà giờ đây tôi kể lại một cách điềm tĩnh và khúc chiết, là con một của người em gái duy nhất của bà mẹ đã qua đời từ lâu của tôi. Tên nàng là Eleonora. Chúng tôi từng luôn luôn sống bên nhau, dưới ánh mặt trời nhiệt đới, trong thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu. Không có bước chân nào từng đến được thung lũng này nếu không có người dẫn lối, vì nó nằm cách biệt giữa những ngọn đồi lớn phủ vòng quanh che khuất khiến ánh mặt trời không tới được những nơi hẻo lánh quạnh rũ nhất của thung lũng. Không có lối mòn in dấu chân người nào trong vùng lân cận nơi này; và để đến được ngôi nhà hạnh phúc của chúng tôi, chỉ có cách dùng sức gạt sang bên vòm lá rậm rạp của hàng ngàn cây rừng, và giẫm chết vẻ huy hoàng của muôn triệu đóa hoa ngát hương. Bởi vậy, chúng tôi - tức tôi, nàng và mẹ nàng - đã sống hoàn toàn tách biệt, không hề biết một điều gì về thế giới ngoại trừ thung lũng này.

Mép sông, cùng nhiều con lạch sáng chói nhẹ lướt qua những con đường quanh co cuộn vào lòng của nó, cũng như từ những không gian rộng mở vươn ra xa xuống tận những dòng suối tới khi chạm tới nơi ngơi nghỉ của những hòn sỏi dưới đáy - những nơi hội tụ đó, không nhỏ hơn toàn bộ bề mặt của thung lũng, từ con sông tới những ngọn núi vây tròn nó vào lòng, tất cả được trải một thảm cỏ xanh mềm mại, dày, mịn đến tuyệt vời, hương thơm như vani lan tỏa khắp nơi giữa những cây mao lương hoa vàng, những bông cúc trắng, hoa violet tím và hoa lan nhật quang hồng ngọc, đến nỗi vẻ đẹp quá mức của chúng như nói to với con tim của chúng tôi về tình yêu và sự vinh quang của Chúa.

Và, đây đó, trong những lùm cây nhỏ quanh đồng cỏ, giống như chôn hoang sơ của những giấc mơ, trồi lên những loài cây kỳ lạ mà thân cao thon thả duyên dáng lay động hướng về phía ánh sáng của mặt trời buổi trưa chiều rọi

vào giữa lòng thung lũng. Vỏ của chúng lốm đốm sắc màu sống động xen kẽ giữa màu mun và màu bạc, và nhẵn nhụi hơn tất cả trừ đôi má của Eleonora; đến mức, nếu không có màu xanh ngời sáng của những tán lá rộng phủ kín những ngọn đồi thành những vệt dài rung rinh, đùa giỡn với Thần Gió 3, hẳn ta có thể đã tưởng tượng chúng là con rắn khổng lồ của Syria đang tỏ lòng kính trọng với chúa tể Thần Mặt Trời.

Suốt mười lăm năm, tay trong tay, tôi cùng Eleonora lang thang trong quanh thung lũng trước khi ái Tình nhập vào trái tim chúng tôi. Đó là vào một buổi tối ngày cuối cùng của tuổi mười lăm trong đời nàng, và tuổi hai mươi của tôi, chúng tôi ngồi dưới những thân cây hình con rắn, tay ôm chặt lấy nhau và ngắm bóng mình in trong lòng nước con sông Trầm Lặng. Chúng tôi không nói một lời nào trong suốt phần còn lại của cái ngày ngọt ngào đó. Và thậm chí cho đến tận ngày hôm sau, những lời chúng tôi trao nhau vẫn rất e dè và ít ỏi. Chúng tôi đã đón vào mình vị thần Ái Tình từ dưới làn sóng đó, và giờ đây chúng tôi cảm thấy rằng vị thần Ái Tình ấy đã làm bùng lên trong chúng tôi những linh hồn bốc cháy của tổ tiên chúng tôi. Những nỗi đam mê mà hàng bao thế kỷ từng làm nên sự khác biệt của dòng tộc chúng tôi nay lại ứa về cùng những ham muốn mà nhờ đó chúng được người ta không kém phần ghi nhớ, và cùng nhau thổi tới một niềm vui sướng cuồng nhiệt toàn thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu. Một sự biến đổi diễn ra trên mọi vật. Những bông hoa lạ lùng tuyệt diệu hình những cánh sao bấy nay ẩn mình bỗng xòe nở trên những thân cây. Màu phớt nhẹ của những tấm thảm xanh trở nên đậm hơn. Và khi, từng bông từng bông cúc trắng teo lại, thì mọc lên ngay tại nơi đó từng khóm lan nhật quang hồng ngọc. Và cuộc sống hồi sinh trên những con đường nhỏ của chúng tôi. Loài chim hồng hạc cao, tới nay chưa được biết tới, cùng tất cả các loài chim vui tươi hơn hử, phô trương bộ lông đỏ thắm trước chúng tôi. Những con cá vàng cá bạc tung tăng trên dòng

nước. Thoát ra từ lòng sông, một tiếng rì rào từng chút một căng ra rồi hoà vào trong một giai điệu êm đềm, thiêng liêng hơn cả tiếng hạc cầm của thần Gió 4, ngọt ngào hơn tất cả trù giọng nói của Eleonora. Và bây giờ, lại nữa, một đám mây xốp nhẹ mà từ lâu chúng tôi đã thấy ở phương Đoài 5, từ đó bỗng bành trôi ra, tất cả rực rỡ trong màu đỏ thắm cùng vàng chói, tụ lại lững lờ trên đầu chúng tôi, rồi từ từ chìm xuống thấp dần thấp dần, cho đến khi những mép viền của nó vương lại trên đỉnh núi, biến tất cả sự mờ ảo của nó thành lộng lẫy nguy nga, và như thể giam mãi chúng tôi vào một nhà ngục huyền ảo của vẻ trang nghiêm và huy hoàng.

Vẻ khả ái của Eleonora là vẻ khả ái của thiên thần. Nhưng nàng là một cô gái chân thực và ngây thơ bởi cuộc đời ngắn ngủi của nàng đã trôi qua giữa vườn hoa lá. Không có sự lừa gạt nào nguy trang cho sự thiết tha của tình yêu làm phơ phớt trái tim nàng, và nàng cùng tôi khám phá những nơi chốn xa xôi sâu thẳm nhất của nơi này khi chúng tôi cùng nhau dạo bước trong thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu, thảo luận về những đổi thay mãnh liệt đã diễn ra nơi này trong thời gian gần đây.

Và rồi, đến một ngày nọ, nàng nức nở nói về sự thay đổi tồi tệ cuối cùng sẽ phải xảy ra với Loài người, và từ lần đó trở đi, nàng chỉ sống trong những nỗi u sầu, đan dệt nó vào tất cả những cuộc trò chuyện của chúng tôi, như trong những bài ca được hát lên từ người ca sĩ của thần Schiraz, những hình ảnh như nhau cứ lặp đi lặp lại trong mỗi biến tấu đầy ấn tượng của ngữ điệu. Nàng đã nhận ra rằng ngón tay của Thần Chết đã chạm lên ngực nàng. Như loài phù du, nàng được trời phú cho sự hoàn thiện trong nỗi cô đơn chỉ để rồi phải chết; nhưng nỗi kinh hoàng của chết chóc chỉ nằm ở một điều duy nhất mà nàng thổ lộ với tôi, vào một buổi hoàng hôn, bên bờ con sông Trâm Lặng. Nàng đau đớn nghĩ rằng khi người ta chôn nàng trong thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu, tôi sẽ mãi mãi giã từ chốn thâm sơn hạnh phúc này,

chuyển cái tình yêu nồng cháy dành cho nàng này sang một cô gái nào đó ở thế giới thường nhật bên ngoài kia. Ngay lúc đó tôi vội sụp xuống chân Eleonora, dâng lên nàng và lên Chúa Trời một lời nguyện rằng tôi sẽ không bao giờ kết hôn với bất kì một người con gái nào trên Trái đất này - rằng tôi sẽ chẳng bao giờ lãng quên kỉ niệm thân thương về nàng, hay kỉ niệm về sự yêu thương chân thành nàng đã ban tặng cho tôi. Và tôi cầu xin Đấng tối cao trong vũ trụ này tới chứng giám cho lời nguyện trang trọng của tôi.

Và cái lời nguyện mà tôi đã thốt ra trước Cao xanh và trước nàng, một vị thánh trên thiên đường, bao hàm một sự trừng phạt nếu như tôi nuốt lời hứa, một sự trừng phạt khủng khiếp đến nỗi tôi không có quyền kể ra đây. Và đôi mắt rực sáng của Eleonora càng trở nên rực sáng hơn khi nghe những lời đó của tôi; và nàng thở ra như thể gánh nặng chết chóc đã thoát ra khỏi ngực nàng; nàng run rẩy và khóc thật cay đắng; nhưng nàng đã chấp nhận lời nguyện (bởi nàng có là gì khác ngoài một đứa trẻ?), điều đó khiến nàng đi đến cái chết dễ dàng hơn.

Vài ngày sau đó, trong cơn hấp hối nhẹ nhàng, nàng nói với tôi rằng do những gì tôi đã làm để an ủi tinh thần nàng, nàng sẽ chăm sóc cho linh hồn tôi sau khi từ giã cõi đời, và, nếu được phép, nàng sẽ hiển hiện trở về canh giấc cho tôi; nhưng nếu điều này vượt quá quyền năng của những linh hồn nơi thiên giới, ít nhất nàng sẽ thường xuyên báo cho tôi những khi nàng xuất hiện, chẳng hạn thở dài trên đầu tôi trong những ngọn gió đêm, hay làm bầu không khí mà tôi hít thở tràn ngập hương thơm từ lư hương của các thiên thần. Rồi với những lời đó trên môi, nàng từ bỏ cuộc đời ngây thơ trong trắng của nàng, đồng thời đặt dấu chấm hết cho thời kỳ đầu tiên của đời tôi. Tôi đã kể một cách thành thật như vậy. Nhưng khi tôi vượt qua giới hạn của đường đời được định hình bằng cái chết của người tôi yêu dấu, và chuyển sang thời kỳ thứ hai của đời tôi, tôi cảm thấy một bóng tối tụ lại nơi trí não

tôi, và tôi nghi ngờ sự minh mẫn hoàn hảo của ký ức này. Nhưng hãy để tôi kể tiếp. Nhiều năm trôi qua một cách nặng nề, và tôi vẫn sống trong thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu. Nhưng một sự thay đổi thứ hai đã bao trùm lên mọi vật. Những bông hoa hình ngôi sao teo lại rút vào những thân cây, không xòe ra nữa. Sắc độ của tấm thảm xanh nhạt phai, từng bông hoa lan nhạt quang tàn héo; mọc lên ngay nơi đó những cụm hoa violet mười bông một giống như những đôi mắt sâu thẳm, dần vật bòn chòn và trĩu nặng sương đêm. Và Sự sống rời bỏ con đường chúng tôi đi. Và loài chim hồng hạc cao lớn không còn khoe bộ lông đỏ thắm với chúng tôi nữa mà từ trong thung lũng buồn bã bay khuất vào những rừng đồi cùng tất cả những con chim rực rỡ sắc màu đã cùng đến đây với chúng. Những con cá vàng cá bạc lặn xuống đáy dòng suối sâu chảy qua những hẻm núi nơi tận cùng phía dưới xa của lãnh thổ chúng tôi và không bao giờ còn trang điểm cho dòng sông ngọt ngào nữa. Và giai điệu êm như ru, mềm mại hơn tiếng hạc cầm của thần Gió 6, và tuyệt diệu hơn tất cả trù giọng nói của Eleonora, tắt lịm dần trong tiếng rì rào mỗi lúc một nhỏ dần, cho tới khi dòng suối lại trở lại sự lặng im uy nghi tự bao đời của nó. Và rồi, cuối cùng, đám mây bông bành dâng lên, bỏ lại những đỉnh núi để bay vào cõi mờ ảo của cái xa xưa, chìm lại vào phương Đoài, mang tất cả sắc huy hoàng long lẫy cao quý đi khỏi thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu.

Nhưng những lời hứa của Eleonora vẫn không bị quên lãng, bởi tôi nghe những âm thanh từ những chiếc lư hương đựng đưa của các thiên thần; và những làn hương thơm thần thánh bông bành mãi quanh thung lũng; và trong những giờ phút cô độc, khi trái tim tôi đập nặng nề, những làn gió ủa tới lau văng trán tôi với những tiếng thở dài nhẹ nhẹ; những âm thanh mơ hồ thường xuyên xuất hiện suốt đêm thâu; và một lần - ôi, chỉ một lần duy nhất! Tôi thức dậy trong một giấc ngủ tựa như giấc ngủ để đi vào cõi chết, bởi đôi

môi thần thánh chạm lên môi tôi.

Nhưng, mặc dầu vậy, sự trống rỗng trong lòng tôi từ chối được lấp đầy. Tôi khao khát tình yêu mà trước đây đã từng trào ngập lòng tôi. Một thời gian dài, thung lũng đã làm tôi đau đớn bởi những kỉ niệm về Eleonora, và tôi đã rời xa thung lũng mãi mãi để tìm những chốn phù hoa và những thành trì ồn ào huyên náo của thế giới.

.....

...

Tôi thấy mình giữa một thành phố lạ, nơi tất cả mọi thứ hẳn đã giúp tôi xóa sạch ký ức từ những giấc mơ ngọt ngào mà suốt thời gian dài tôi đã mơ khi sống trong thung lũng của Đồng Cỏ Đa Sắc Màu. Những hoa lệ và lễ hội ồn ào ở một cung điện trang nghiêm, tiếng rền rĩ điên cuồng của khí giới, vẻ xinh tươi rực rỡ của đàn bà làm đầu óc tôi hoang mang và mê đắm. Nhưng cho đến bây giờ, linh hồn tôi đã chứng thực cho những lời nguyện của tôi, và những dấu hiệu cho biết sự hiện diện của Eleonora vẫn đến với tôi trong những đêm đen tĩnh lặng. Bất ngờ, những sự hiện diện đó ngừng hẳn, thế giới trở nên tối đen trước mắt tôi; và tôi hãi hùng trước những suy nghĩ cháy bỏng ám ảnh, trước những cảm dỗ khủng khiếp quấy rầy tôi. Bởi chúng từ một nơi nào đó xa xôi vô định ủa vào triều đình rực rỡ của đấng quân vương mà tôi đang hầu hạ, một người phụ nữ mà trước sắc đẹp của cô ta, toàn bộ trái tim yếu hèn của tôi đã đầu hàng ngay lập tức; tôi quỳ xuống phục tùng trước ghé của nàng không mấy may chống cự, hết mực nhiệt nồng, một sự tôn thờ ái tình đến mê muội nhất. Đâu rồi những đam mê say đắm thực sự của tôi đối với người con gái trẻ đẹp nơi thung lũng ngày xưa khi đem so sánh bên niềm đam mê, cuồng nhiệt, ngất ngây, hư ảo trong nỗi si mê đã khiến tôi trút cả khối linh hồn mình thành đôi dòng lệ dưới chân Ermengarde cao quý? Ôi! ánh sáng chói lòa của Ermengarde tối cao! Và khi đã biết ánh sáng đó,

tôi không còn biết ánh sáng nào khác nữa! Ôi siêu phàm thay thiên thần Ermengarde! Và khi tôi nhìn vào sâu thẳm đôi mắt đầy kỷ niệm của Ermengarde, tôi chỉ nghĩ về đôi mắt ấy - và chỉ nghĩ đến nàng.

Tôi đã kết hôn - chẳng chút kinh hãi trước lời thề nguyện của chính tôi ngày trước; và những nỗi cay đắng đã lùi xa tôi. Nhưng một lần - lại một lần nữa trong đêm đen tĩnh lặng, vượt qua rào chắn, lại trở lại cái tiếng thì thầm âu yếm đã từng bỏ tôi. Và chuyển thành một giọng nói quen thuộc ngọt ngào, chúng cất tiếng:

“Hãy ngủ yên! Bởi Thần ái tình đang ngự trị, và, trong sự mê đắm người con gái mang tên Ermengarde, người đã được xá tội, cho những gì người sẽ được biết trên thiên đường, với những lời thề nguyện của người với Eleonora”.

Lê Nguyên Long dịch từ nguyên tác tiếng Anh Eleonora
eVăn hiệu đính

Chú thích của người dịch:

(1) Nguyên văn: Sub conservatione fomae specificae salva anima.

(2) Nguyên văn: Aggressi sunt mare tenebrarum, quid in eo esset exploraturi.

(3) Nguyên văn: Zephyrs, thần Gió Tây, phân biệt với Aeolus, thần Gió, cai quản chung về gió bão, bằng cách nhốt các thần gió bão riêng biệt vào một cái hang, có truyền thuyết khác nói là nhốt vào một cái túi da.

(4), (6) Nguyên văn: Aeolus.

(5) Nguyên văn: khu vực của sao Hôm (Hesper), sao Hôm tượng trưng cho phương Tây, phương Đoài.

Edgar Allan Poe

Sự suy tàn của ngôi nhà Acsơ

Vào một ngày thu lạnh lẽ, buồn tẻ, tôi một mình trên lưng ngựa tiến về phía ngôi nhà Acsơ. Khi đã đứng trước ngôi nhà tôi gần như xỉu hẳn đi. Tâm hồn tôi cũng buồn bã và tăm tối như bầu trời lúc đó. Lòng tôi thì u ám như những bức tường xám lạnh lẽo của ngôi nhà trước mắt. Tôi cũng không biết tại sao lại có cái cảm giác đau khổ đến tột độ này. Có lẽ là do sự tàn tạ của ngôi nhà và của cả cảnh vật xung quanh chẳng. Những cánh cửa sổ đen xì giống như những đôi mắt đen trên một khuôn mặt trống rỗng. Những thân cây khô trắng toát không còn sức sống để soi bóng toàn cảnh khu nhà trông còn tiêu điều hơn là cảnh thực. Một lát sau, không còn đủ sức để tìm hiểu cái bí ẩn trong cảm xúc của mình nữa, tôi rời khu hồ chậm chậm bước vào nhà.

Rôdríc Acsơ, chủ nhân gia tài này, là người bạn thân nhất thời thơ ấu của tôi. Đã mấy năm trôi qua, kể từ ngày gặp nhau lần cuối, mãi gần đây anh mới gửi cho tôi một bức thư, tha thiết mời tôi đến thăm (thực ra là anh ta cầu khẩn tôi) và ở chơi với anh vài tuần. Anh biết là anh đang bị ốm nặng, vì một căn bệnh tinh thần. Anh cho rằng sự có mặt của tôi sẽ làm anh vui lên, sẽ làm dịu đi những ý tưởng lộn xộn bất thường của anh. Anh chân thành quá làm tôi không nỡ từ chối và giờ đây tôi đã có mặt trước ngôi nhà. Dù trước đây, khi còn nhỏ, chúng tôi đã từng là bạn thân thiết, nhưng thực ra tôi

biết rất ít về Rôdríc Acso. Tôi chỉ còn nhớ anh là người rất ít nói, thích tách mình ra khỏi những người khác. Mọi người trong dòng họ của anh theo như gia phả đã ghi, đều có một trí tưởng tượng kì lạ và điều này đã bộc lộ trong các tác phẩm vĩ đại về nghệ thuật và âm nhạc. Tôi cũng biết một điều rất lạ là không hề có các chi ngành trong dòng họ Acso, mỗi thế hệ chỉ có một người nối dõi. Tên tuổi cũng như gia sản được truyền từ đời cha sang đời con không hề bị gián đoạn. Ngôi nhà Acso theo quan niệm của người dân khu này không chỉ có nghĩa là ngôi nhà và mảnh đất mà còn là dòng họ ấy. Khi tiến gần đến ngôi nhà màu xám xịt, trong óc tôi nảy ra một ý tưởng kì lạ, tự nhiên tôi cảm thấy không khí bao bọc xung quanh ngôi nhà ấy cũng khác với không khí của chúa trời. Tôi tưởng tượng, không khí ấy được lan toả từ những cái cây đã mục nát, từ những bức tường màu xám và từ cái hồ im lìm, một thứ không khí mà bản thân nó cũng có màu xám xịt bủa vây quanh ngôi nhà như một đám mây mù. Khó khăn lắm tôi mới gạt bỏ được ý tưởng điên rồ này.

Bây giờ tôi mới nhìn rõ ngôi nhà, tuy vẫn còn nguyên vẹn song trông đã quá cũ. Tôi muốn nói là cả cái công trình bằng đá ấy chưa có chỗ nào bị đổ xuống. Nhưng từng viên đá đều mang dấu ấn của sự tàn lụi theo thời gian. Tất nhiên, tôi không thấy dấu hiệu nào của sự sụp đổ, trừ một vết nứt hẹp dài chạy thẳng từ nóc mái trước xuống tận chân tường.

Một người đầy tớ chạy ra dắt con ngựa cho tôi. Tôi bước qua cổng vòm nhà, sau đó tôi được dẫn qua nhiều đoạn ngoằn ngoèo tới tận căn phòng của ông chủ. Tôi cảm thấy mỗi bước đi đều tác động mạnh mẽ đến tôi mặc dầu suốt cả cuộc đời tôi đã quen thuộc với những cảnh này: những mảng trần nhà có trang trí, những mảnh rèm cửa nặng nề, những bộ áo giáp và vũ khí thời xưa, và những bức tranh trên tường. Tôi gặp ông bác sỹ của gia đình ở giữa cầu thang. Hình như ông ta vừa ngạc nhiên vừa hoảng sợ vì sự có mặt

của tôi.

Phòng của ông chủ là một căn phòng riêng biệt, cao và tối. Trên sàn có hàng loạt những đồ đạc cổ kính. Sách vở nhạc cụ vung vãi khắp nơi, nhưng cũng chẳng tạo cho cảnh tượng một sức sống nào cả. Tôi cảm thấy đang hít thở bầu không khí chết chóc.

Acso đóng tôi rất nồng nhiệt. Chúng tôi cùng ngồi xuống bên bàn. Tôi nhìn anh với cảm giác ái ngại. Rõ ràng không một người nào lại thay đổi khủng khiếp như thế này sau một thời gian ngắn. Trước đây trông anh cũng xanh xao nhưng chưa bao giờ lại xanh xao đến như thế. Đôi mắt to và thông minh giờ đây không còn bình thường nữa, mặc dù vẫn ánh lên một sự thông minh lạ kì. Đôi môi chỉ còn lại một vết thắm trên khuôn mặt. Bộ tóc mềm mại đã lâu không cắt giống như bộ tóc của một cụ già, rủ xuống mặt và cổ. Sự thay đổi về cử chỉ của anh bạn tôi cũng thật kì lạ. Anh luôn luôn chuyển từ trạng thái sôi nổi sang trạng thái lo âu. Và, khi anh chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác thì giọng nói của anh lại thay đổi: lúc thì cất cao, lúc thì hạ trầm xuống giống như kiểu nói của một người quá say.

Cứ như thế, anh nói đến cuộc viếng thăm của tôi, đến sự mong đợi tha thiết được gặp tôi, đến những niềm an ủi mà anh hy vọng tôi sẽ mang lại. Rồi anh bắt đầu kể lể dài dòng về bệnh tật. Theo anh đó là một căn bệnh của dòng họ, không có thuốc nào chữa được. Nhưng rồi bỗng nhiên anh lại nói: đó chỉ là một căn bệnh đơn giản và sẽ qua nhanh thôi. Hình như anh đang phải chịu đựng sự căng thẳng về tinh thần. Anh chỉ ăn được những thức ăn không mùi vị, chỉ mặc được một loại quần áo nào đó và không chịu được mùi hoa; một tia sáng mờ ảo nhất cũng làm cho đôi mắt anh đau nhức. Anh đã cấm mọi người không được gây ra tiếng động trong nhà, trừ một vài âm thanh của một số nhạc cụ.

Anh nói:

- Tôi hoảng sợ tương lai không phải chỉ vì những sự kiện của tương lai mà cả sự tác động của nó đối với tôi. Tôi run rẩy khi nghĩ đến bất cứ một sự kiện nào, dù là nhỏ nhất, có thể làm tăng sự lo âu của tôi. Trong tình trạng khủng khiếp này tôi cảm thấy sắp đến lúc tôi phải từ bỏ cõi trần trong một cuộc vật lộn chống lại sự sở hãi.

Tôi rất kinh ngạc khi biết anh đã không rời ngôi nhà từ nhiều năm nay. Anh nói:

- Chính ngôi nhà này... những bức tường và những cột nhà đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với tôi. Chúng có một ma lực buộc tôi vào chúng như thể chúng là những linh hồn sống.

Tôi không biết nói thế nào với anh bạn tôi. Mặc dù hơi do dự một chút nhưng anh vẫn công nhận rằng tất cả những nỗi bất hạnh mà anh phải chịu đựng đều có một cội nguồn đơn giản hầu như rất tự nhiên, đó là bệnh hoạn nguy hiểm và kéo dài của người em gái mà anh yêu quý, người đã cùng dòng máu với anh còn lại duy nhất trên trái đất này. Anh nói:

- Cô ấy sắp chết, - với giọng nói đau xót mà tôi không bao giờ quên được. - cái chết của cô ấy sẽ bỏ lại mình tôi trên trái đất này, người con cuối cùng của dòng họ Acsơ lâu đời.

Trong lúc anh đang nói thì tiểu thư Madolin (đó là tên cô em gái) chậm rãi đi ngang qua phía cuối căn phòng. Cô không để ý thấy có người lạ đang ngồi với anh cô. Tôi nhìn cô đầy kinh ngạc và hoảng sợ. Tôi không thể nào giải thích được những cảm giác của tôi lúc ấy. Cô vừa đi khỏi, tôi quay lại phái bạn tôi và đã thấy anh đang ôm mặt để giấu một dòng nước mắt.

Căn bệnh của tiểu thư Madolin đã làm cho tất cả các bác sỹ đều phải bó tay vì cô không còn quan tâm rằng mình còn sống hay là đã chết. Sự héo hon dần dần về xác thịt làm cho cơ thể cô mỗi ngày một yếu đi. Thỉnh thoảng trái tim cô lại ngừng đập một lúc. Điều đó làm cho cơ thể cô càng suy kiệt. Bạn

tôi đau khổ kể cho tôi nghe rằng học không thể làm gì để ngăn chặn sự tấn công của thần chết. Anh nói:

- Cô ấy sẽ phải nằm liệt giường và tôi tin rằng anh sẽ không còn gặp lại cô ấy nữa.

Suốt mấy ngày ở lại ngôi nhà này cả hai chúng tôi đều không ai nhắc đến tên cô ấy nữa. Tôi chỉ cố gắng an ủi và làm cho bạn tôi nguôi ngoai, chúng tôi cùng nhau vẽ tranh và đọc sách. Có lúc tôi ngồi lặng đi nghe anh bạn tôi chơi một bản nhạc như trong giấc mơ. Tình bạn của chúng tôi càng ngày càng thân thiết hơn, và cùng chia sẻ những ý tưởng thầm kín nhất. Nhưng cũng chẳng có ích gì. Một màn đêm đã bao phủ trong tâm hồn anh và toả ra mọi vật xung quanh cả một chuỗi vô tận những nỗi niềm đau khổ.

Tôi sẽ mãi mãi ghi nhớ những giờ phút trang trọng nhất mà tôi đã sống riêng với người chủ của ngôi nhà Ac-sơ. Thế nhưng tôi không thể miêu tả bằng lời những gì chúng tôi đã cùng nhau tìm tòi và hoạt động. Anh ta là một người có những ý tưởng cao siêu. Nhưng những ý tưởng này trở nên lộn xộn vì bệnh tật của anh. Bây giờ anh chỉ còn có thể diễn đạt ý tưởng của mình bằng màu sắc và âm thanh-bằng loại màu hoang dã nhất của hội hoạ và bằng giai điệu khó hiểu nhất của chính những bản nhạc của anh. Và những ý tưởng này cũng không thể hiện rõ ràng ngay đối với chính anh. Vậy thì ta cũng có thể tưởng tượng được rằng nó khó hiểu đối với tôi như thế nào.

Tôi cho rằng trong một bức tranh nào đó, ý tưởng của anh đã được thể hiện rõ ràng hơn nhưng tôi vẫn cứ không hiểu nổi. Tôi vẫn còn nhớ bức tranh ấy bởi vì khi nhìn nó tôi bị xáo động dữ dội. Bức tranh vẽ một lối đi tun hút, hai bên là hai bức tường thấp lè tè, bóng nhẵn và trắng toát. Nền bức tường gây cho ta một cảm giác đó là lối đi sâu xuống lòng đất, nhưng không có lối ra. Trên bức tường không có đèn sáng và cũng không thấy có loại ánh sáng nào khác. Tuy nhiên hoàn cảnh bị nhấn chìm trong một thứ ánh sáng rực rỡ.

Trong một lần nói chuyện, Acsơ bảo tôi là anh tin rằng tất cả các loài cây đều có khả năng cảm giác và ngay cả những vật vô tri cũng có khả năng này trong một điều kiện nào đó. Như tôi đã kể trước đây, lòng tin này có liên quan đến những tảng đá xám của khu nhà. Anh cho rằng chính cái cách chúng được sắp xếp thành một bức tường, một kiêu sắp xếp đã có vài trăm năm nay đã tạo cho chúng tôi một cuộc sống riêng. Anh nói rằng nước trong hồ cũng như những cây khô đều có cuộc sống giống như vậy. Anh nói tiếp!

- Cái để chứng minh cho suy nghĩ ấy của tôi về những bức tranh tường quanh nhà và hồ nước, tôi có cảm giác là đều xuất phát từ sự phát triển dần dần của một không khí đặc thù xung quanh chúng. Tôi nghĩ ngay đến ý tưởng đã xuất hiện trong óc tôi khi tôi vừa đến nơi này - anh nói tiếp:

- Cái không khí này đã ảnh hưởng đến dòng họ tôi một cách thâm lặng nhưng khủng khiếp. Chính nó đã làm cho tôi như thế này đây.

Lúc này tôi không nghĩ ra nổi một điều gì để nói với anh bạn tôi nữa.

Một buổi tối, Acsơ nói vắn tắt với tôi rằng tiểu thư Madolin đã chết. Anh bảo là anh định giữ thi thể của cô trong hai tuần rồi mới chôn. Anh sẽ đặt cô trong căn phòng dưới nhà hầm. Lý do anh đưa ra cũng chẳng có gì khác thường, vì anh đã hiểu được cái bệnh mà cô đã phải chịu đựng, nói một cách đơn giản hơn, anh muốn bảo đảm chắc chắn một điều là cô đã chết thật trước khi đặt thi thể cô vào nhà mồ của dòng họ.

Theo yêu cầu của Acsơ, tôi đã giúp anh chuẩn bị mọi thứ. Hai chúng tôi khiêng thi thể cô gái đặt vào áo quan rồi đưa quan tài vào một căn phòng nhỏ vừa tối vừa ẩm thấp nằm ngay bên dưới căn phòng tôi đang ở.

Cách đây đã lâu, trong những năm tháng lộn xộn, căn phòng này dùng làm kho chứa thuốc súng và một số chất nguy hiểm khác nữa. Một phần của sân nhà và toàn bộ cửa vòm mà chúng tôi đi qua đều viền bằng đồng. Cánh cửa sắt nặng nề cũng được bảo vệ bằng cách đó. Đặt xong chiếc quan tài lệch

sang bên cạnh một chút để nhìn vào khuôn mặt bên trong. Tôi nhận ngay ra rằng hai anh em trông rất giống nhau. Đoán được ý nghĩ của tôi, Acsơ bảo rằng anh và Madolin là hai anh em sinh đôi nên giữa hai người luôn luôn có sự đồng cảm khác thường. Trên khuôn mặt và cổ của cô ta vẫn còn hơi có màu sắc và nụ cười vẫn còn đọng trên môi, trông thật khủng khiếp. Chúng tôi không dám nhìn lâu, vội đẩy nắp quan tài và vít chặt lại, khép cánh cửa sắt và trở lên trên nhà.

Ba bốn ngày trôi qua đầy sự đau thương, tôi nhận thấy một sự thay đổi lớn trong cuộc sống của người bạn mình. Những hoạt động bình thường như âm nhạc, đọc sách, vẽ tranh đều bị lãng quên. Anh cứ lang thang từ phòng nọ sang phòng kia, không làm gì và cũng chẳng thiết gì cả. Anh lại càng xanh xao hơn và ánh mắt thông minh của anh đã biến đi đâu mất. Đôi khi tôi nghĩ rằng có một điều gì đó rất bí mật anh muốn kể cho tôi nghe nhưng lại không đủ can đảm để kể. Có những lúc anh ngồi lặng đi hàng tiếng đồng hồ như thể đang lắng nghe một âm thanh tưởng tượng nào đó, như thể đang chờ đợi một cái gì bất thường xảy ra. Không biết có phải hoàn cảnh của anh đã làm cho tôi hoảng sợ và chính nó đã khiến tôi cảm thấy những ảnh hưởng hoang dã của những niềm tin khủng khiếp trong anh đang lan sang tôi.

Vào đêm thứ bảy hoặc thứ tám gì đó sau cái chết của tiểu thư Madolin tôi bắt đầu thấy mạnh lực khủng khiếp của các cảm giác này. Tôi nằm thao thức hàng giờ cố chống lại cảm giác hoảng sợ. Tôi trách cứ mọi đồ vật xung quanh tôi: những đồ đạc bụi bặm, những mảnh rèm cửa rách bươm đang bay lên bay xuống trong luồng gió của một cơn bão, trách cứ ngay cả chiếc giường cổ kính mà tôi đang nằm. Nhưng mọi cố gắng của tôi đều vô ích. Cuối cùng vì quá sợ hãi tôi đã chồm dậy nhìn chăm chăm vào bóng tối của căn phòng. Tôi nghe thấy - cũng có thể nghĩ rằng tôi đã nghe thấy, những âm thanh trầm trầm nổi lên vào những lúc gió bão lặng xuống. Tôi vội mặc quần áo vì tôi

đang run rẩy, run rẩy vì lạnh hay vì sợ tôi cũng không còn biết nữa. Để trấn tĩnh, tôi đi đi lại lại trong phòng.

Tôi đi lại được hai ba lần thì nghe tiếng gõ cửa nhẹ nhẹ. Acso tay cầm đèn bước vào. Trong đôi mắt của anh tôi nhận thấy một nỗi kinh hoàng như điên dại.

Anh bỗng kêu lên:

- Anh không trông thấy gì ư...? Không thấy gì à? Nhưng này... - Vừa nói anh vừa cẩn thận giơ cao cây đèn đi vội ra cửa sổ, đẩy bật tung cửa ra.

Luồng gió ùa vào mạnh đến nỗi gần như nhấc bổng chúng tôi lên. Nhưng cái mà chúng tôi chăm chú nhìn không phải là luồng gió mà cũng chẳng phải là những đám mây dày đặc đang phủ quanh ngôi nhà. Chúng tôi không trông thấy trăng sao nhưng cả ngôi nhà và những đồ vật xung quanh chúng tôi, kể cả những đám mây mù lơ lửng, đang sáng rực lên trong một luồng sáng kỳ lạ. Chính luồng sáng này đã dội lên từ những bức tường và từ mặt nước hồ.

- Anh không được... anh không nên nhìn - tôi vừa nói vừa kéo anh ra khỏi cửa sổ và đẩy anh ngồi xuống ghế. - Tôi nói tiếp: - Thứ ánh sáng làm cho anh hoảng sợ chỉ là ánh sáng điện xuất hiện trong không trung. Chúng ta hãy đóng cửa sổ lại, vì luồng gió lạnh này rất nguy hiểm cho sức khỏe của anh. Đây, quyển sách mà anh ưa thích đây. Tôi sẽ đọc cho anh nghe và chúng ta sẽ cùng nhau sống qua cái đêm khủng khiếp này.

Tôi bắt đầu đọc, còn Acso lắng nghe hoặc có vẻ lắng nghe một cách chăm chú. Đó là một câu chuyện nổi tiếng của Lonsolot Cenninh. Đọc được độ khoảng mười phút, đọc đến phần nói về nhân vật chính đang tìm cách lọt vào nhà kẻ thù. Tôi còn nhớ đoạn đó như sau: "... và Etoret giơ kiếm lên chém mạnh vào cửa. Cửa bị nứt rồi vỡ toác ra. Tiếng gõ khô tạo ra một âm thanh trầm trầm hình như đã vang khắp cả khu rừng".

Đọc xong câu cuối, tôi ngừng lại vì hình như tôi cũng nghe thấy một tiếng

động như vậy, giống như tiếng gõ vỡ, mặc dù rất lơ mơ. Tiếng động, hình như phát ra từ một nơi nào đó trong ngôi nhà này. Tôi chắc rằng bão tố đã làm vỡ một cái gì rồi. Thế là tôi chẳng quan tâm đến nó nữa và tiếp tục đọc truyện: "Rồi Etoret bước qua cửa đứng trên sàn nhà đầy ánh bạc trước mặt một con thú dữ. Đằng sau con thú là một cái khiên bằng đồng treo trên tường. Trên khiên có khắc những lời sau đây: "Người nào vào được đây sẽ trở thành kẻ chinh phục. Người nào diệt được con thú, sẽ chiếm được chiếc khiên này". Etoret lại vung kiếm lên chặt đầu con thú. Kêu lên một tiếng kêu làm rung chuyển cả bức tường, con thú ngã xuống và làm chiếc khiên rơi xuống sàn nằm ngang dưới chân Etoret".

Đến đây tôi lại cảm thấy kinh ngạc và hoảng sợ. Tôi buộc phải ngừng đọc. Bây giờ không còn nghi ngờ gì nữa, tôi thực sự nghe thấy một tiếng kêu đau đớn, mặc dù tiếng kêu khe khẽ nhưng rất rõ. Sau tiếng kêu đó là một tiếng vang của hai thanh sắt chạm nhau. Tôi không biết Acso có nghe thấy những âm thanh này không. Tôi run rẩy chạy về phía anh đang ngồi. Đôi mắt của anh dán chặt vào cửa ra vào. Đôi môi anh đang mấp máy vì khi tôi cúi xuống bên anh tôi nghe thấy anh nói:

- Có phải tôi đã nghe thấy không? Đúng. Tôi nghe thấy, tôi đã nghe thấy: dài, dài, dài hàng phút đồng hồ, hàng giờ, hàng ngày. Tôi đã nghe thấy ư...? Nhưng tôi không dám... Ôi, khổ tôi quá!... Tôi là một sinh vật khôn khổ... tôi không dám nói ra. Ôi, chúng ta đặt cô bé đang sống vào quan tài. Chẳng lẽ tôi đã không nói với anh là cảm giác của tôi rất nhạy bén hay sao? Bây giờ tôi phải nói cho anh biết rằng cách đây mấy ngày tôi đã nghe thấy tiếng chân cô ấy đi lại, thế nhưng tôi không dám nói ra và bây giờ - đêm nay - Etoret - Ha, ha - tiếng phá cửa và tiếng kêu của con thú, tiếng rơi "xoảng" của cái khiên - không phải, đó là tiếng phá quan tài, tiếng kêu của cô ấy, tiếng vật lộn trong vòm cửa bằng đồng của nhà tù. Ôi, tôi trốn đi đâu bây giờ? Chắc

cô ấy sắp lên đến đây rồi, chắc sẽ mắng mỏ tôi vì đã quá vội vã. Tôi không nghe thấy tiếng bước chân của cô trên cầu thang hay sao? Tôi không cảm thấy nhịp đập nặng nề từ trái tim của cô hay sao? Thằng điên! - Đến đây anh đứng bật dậy, hét to lên: - Thằng điên tao bảo cho mày biết rằng cô ấy đang đứng ở ngoài cửa đấy!

Như thể lời nói của anh có một ma lực đặc biệt nào đó, cánh cửa to bật tung ra. Thực ra đó là do luồng gió mạnh đập vào cửa làm cho nó bật ra... Nhưng ngay phía bên ngoài cửa rõ ràng là một dáng hình mặc bộ đồ trắng đang đứng sừng sững: tiểu thư Madolin của dòng họ Acsơ. Cô cứ đứng run rẩy như vậy một lúc ở cửa ra vào rồi khẽ kêu lên một tiếng, và nặng nề đổ xuống trước mặt anh. Sự hoảng hốt tốc độ đã đưa Acsơ đến cái chết trong giây lát và một phút sau người em gái cũng chết bên cạnh anh.

Tôi lao ra khỏi phòng rồi lao ra khỏi nhà trong nỗi kinh hoàng. Tôi không hề nhìn lại cho đến khi đã chạy qua cái hồ. Một tiếng nổ lớn bung ra trong không trung. Tôi nhìn lại chỗ nứt - chính cái chỗ nứt mà tôi đã nói đến trước đây, chạy từ nóc nhà xuống đến chân tường bây giờ toác ra như cái mồm há rộng của một con vật khổng lồ. Những bức tường to lớn vỡ toang. Tôi nghe thấy một tiếng rú lớn, tiếng rú của hàng nghìn ngọn nước... rồi cái hồ sâu đầy nước đen kịt trùn lên ngôi nhà Acsơ.

Edgar Allan Poe

Thùng rượu Amontillado

Đã có cả ngàn lần xúc phạm của Fortunato đối với tôi, và tôi đã cố sức chịu đựng. Nhưng khi anh ta cả gan mạ lỵ tôi, tôi thề rửa hận. Là người rõ bản tính tôi, bạn sẽ không cho rằng tôi chỉ dọa suông. Chẳng chóng thì chầy tôi sẽ trả được thù; chuyện ấy đã hẳn - chính quyết tâm sắt đá của tôi trong việc trả thù đã loại trừ ý nghĩ rằng việc đó là liều lĩnh. Tôi không chỉ trừng phạt, mà còn phải trừng phạt sao cho không bị báo thù. Không thể uốn nắn một việc làm sai quấy nếu chính kẻ uốn nắn lại bị trả đũa. Cũng không thể uốn nắn một việc làm sai quấy nếu kẻ trừng phạt không cho người làm điều sai biết mình là ai.

Phải hiểu rằng tôi không hề làm Fortunato nghi ngờ thiện ý của tôi, dù bằng lời nói hay hành động. Tôi tiếp tục mỉm cười với anh ta như lệ thường, và anh ta không nhận ra nụ cười của tôi bây giờ là vì ý nghĩ tẻ sùng anh ta. Mặc dù trong những khía cạnh khác anh ta là người đáng nể, thậm chí đáng sợ, Fortunato có một yếu điểm. Anh ta tự hào về sự hiểu biết rượu nho của mình. Không có mấy người Ý có tinh thần bậc thầy thực sự. Phần lớn sự nồng nhiệt của họ được vơ vào cho phù hợp với thời thế và cơ hội, để thực tập lừa đảo bọn triệu phú người Anh và Áo. Về hội họa và đá quý, Fortunato

là tay bịp như đồng hương của anh ta, nhưng về rượu nho lâu năm anh ta quả thật là tay tổ. Trong khía cạnh này tôi không khác anh ta bao nhiêu. Tôi sành rượu nho Ý, và mua hầu như bất cứ khi nào tôi có thể.

Một buổi chiều gần tối, trong sự điên rồ tột độ của mùa hội hè, tôi gặp anh bạn. Anh ta chào tôi với vẻ ân cần thái quá, vì anh ta đã uống nhiều. Trang phục theo lối hè, anh ta mặc bộ quần áo sọc bó sát, đầu đội mũ nhọn có gắn chuông. Tôi rất hài lòng gặp được anh ta, đến nỗi tôi tưởng mình không thể ngừng lắc mạnh tay anh ta.

Tôi bảo anh ta:

“Fortunato thân mến, gặp anh may quá. Hôm nay anh trông bảnh bao lắm! Nhưng tôi nhận được một thùng rượu nghe nói là Amontillado, và tôi hơi nghi ngại.”

“Thế nào?”, anh ta nói. “Amontillado? Một thùng? Không thể nào. Lại còn ngay giữa ngày hội?”

“Tôi có nghi ngờ”, tôi trả lời, “và tôi ngốc đến nỗi trả đúng giá Amontillado mà không hỏi ý anh. Tìm không ra anh, nhưng tôi sợ mất đi món hời”.

“Amontillado!”

“Tôi có nghi ngờ.”

“Amontillado!”

“Và tôi phải làm vừa lòng họ.”

“Amontillado!”

“Anh đã bận, tôi đi kiếm Luchresi vậy. Nếu có ai có tài phê bình, chính là anh ta. Anh sẽ bảo tôi...”

“Luchresi không phân biệt nổi Amontillado với Sherry.”

“Thế mà mấy tên khờ khạo lại bảo rằng tài nếm của anh ta ngang với anh.”

“Đi nào, mình đi.”

“Đi đâu?”

“Tôi hầm nhà anh.”

“Bạn ơi, không được. Tôi sẽ không làm phiền lòng tốt của bạn. Tôi thấy bạn đã có hẹn. Luchresi ...“

“Tôi không có hẹn nào cả; đi nào.”

“Bạn ơi, không được. Không phải là chuyện hẹn, nhưng tôi thấy anh đang mắc phải bệnh cảm nặng. Hầm ẩm ướt chịu không nổi. Chúng phủ đầy quặng.”

“Dù sao đi nữa, mình cứ đi. Bệnh của tôi xoàng thôi. Amontillado! Anh bị lừa rồi; còn Luchresi, anh ta không đủ sức phân biệt Sherry với Amontillado.”

Vừa nói, Fortunato vừa nắm lấy cánh tay tôi. Đeo một tấm mặt nạ lụa đen, quần tám roquelaire quanh mình, tôi để anh ta kéo vôi đến dinh thự của mình.

Không có gia nhân nào ở nhà; chúng đã lên đi ăn mừng mùa hội. Tôi bảo chúng đến sáng tôi mới về, và dặn chúng hẳn hoi không được đi đâu. Tôi biết rõ mấy lời này đã đủ bảo đảm chúng sẽ biến mất ngay cả lũ ngay sau khi tôi vừa quay lưng.

Tôi lấy ở chân đèn trên tường hai ngọn đuốc, đưa một cho Fortunato, dẫn anh ta cúi đầu đi xuyên qua nhiều căn phòng đến cánh cửa vòng cung dẫn vào hầm. Tôi xuống một cầu thang dài uốn khúc, dặn anh ta cẩn thận khi đi theo. Cuối cùng chúng tôi đến chân thang, đứng bên nhau trên nền đất ẩm của khu hầm mộ dòng Montresor.

Bước đi của bạn tôi không vững, và mấy cái chuông trên mũ anh ta reo lên khi anh ta đi.

“Thùng rượu”, anh ta nói.

“Xa hơn nữa”, tôi nói; “nhưng hãy xem màng tơ trắng óng ánh trên những tường hầm.”

Anh ta quay về phía tôi và nhìn vào mắt tôi với hai con ngươi phủ mờ tiết ra chất nhờn của nỗi say sưa:

“Quặng?”, sau cùng anh ta hỏi.

“Quặng”, tôi trả lời, “Anh bị ho bao lâu rồi?”

“Hự... hự... hự...”

Anh bạn tội nghiệp của tôi không trả lời được trong một lúc:

“Không có gì đâu”, cuối cùng anh nói.

“Đi nào”, tôi nói, cương quyết, “chúng ta quay về thôi; sức khỏe của anh là quý. Anh giàu có, được trọng vọng, ngưỡng mộ, yêu mến; anh vui sướng, như tôi trước kia. Mọi người sẽ nhớ anh. Với tôi thì không đáng kể gì.

Chúng ta quay lại thôi; anh sẽ bị bệnh, tôi không thể gánh trách nhiệm. Và lại, còn có Luchresi...”

“Đủ rồi”, anh nói; “Chúng ho xoàng đấy thôi. Nó không giết tôi đâu. Tôi sẽ không chết vì một chứng ho.”

“Phải, phải”, tôi trả lời, “quả tình tôi không có ý làm anh lo lắng vô ích - nhưng anh phải cẩn thận mọi bề. Một ngụm của loại Medoc này sẽ bảo vệ chúng ta chống cái ảm.”

Đến đây tôi đập bẻ cổ một chai rượu tôi kéo ra từ một hàng rượu cùng loại nằm trên giàn.

“Uống đi”, tôi đưa rượu cho anh ta.

Anh ta nâng nó lên môi với vẻ láu cá. Anh ta ngưng lại và gật đầu thân mật với tôi, trong khi mấy cái chuông reo lên.

“Tôi uống để chúc những người chôn cất yên nghỉ quanh chúng ta”, anh ta nói.

“Và tôi chúc anh sống lâu.”

Anh ta lại quàng tay tôi, và chúng tôi tiếp tục đi.

“Hầm mộ này rộng quá”, anh ta nói.

“Montresor là một giòng dõi lớn và đông đảo”, tôi trả lời.

“Tôi quên mất gia huy của anh.”

“Một bàn chân người bằng vàng thật to, trên cánh đồng xanh; bàn chân giẫm lên một con rắn ngóc đầu, răng nọc của nó đâm sâu vào gót chân.”

“Còn gia hiệu?”

“Nemo me impune lacessit.” [1]

“Hay!”, anh ta nói.

Rượu nho lấp lánh trong mắt anh ta và mấy cái chuông leng keng. Trí tưởng tượng của tôi cũng ấm lên với rượu Medoc. Chúng tôi đi qua những bức tường dựng bằng xương chất đống, với những thùng rượu lớn nhỏ để lẫn lộn, vào khu sâu nhất của hầm mộ. Tôi ngừng lần nữa, và lần này tôi bạo dạn nắm cánh tay Fortunato, chỗ trên khuỷu.

“Quặng”, tôi nói, “xem này, nó nhiều lên. Nó bám như rêu trên hầm. Chúng ta đang ở dưới lòng sông. Giọt khí ẩm nhỏ qua đống xương. Đi nào, chúng ta trở lại trước khi quá trễ. Bệnh ho của anh...”

“Chỉ xoàng thôi,” anh nói, “mình cứ đi tiếp. Nhưng trước hết, thêm ngụm Medoc nữa.”

Tôi đập bể một hũ De Grave và đưa cho anh ta. Anh ta nốc một hơi cạn sạch. Mắt anh ta ánh lên tia sáng dữ dội. Anh ta cười và ném cái chai lên với một cử chỉ tôi không hiểu.

Tôi ngạc nhiên nhìn anh ta. Anh ta lập lại cử động - một cử chỉ cường điệu.

“Anh không hiểu à?”, anh ta nói.

“Không”, tôi trả lời.

“Thế thì anh không phải là anh em.”

“Sao?”

“Anh không thuộc những người xây cất.”

“Vâng, vâng,” tôi nói, “vâng, vâng.”

“Anh? Không thể nào! Người xây cất?”

“Người xây cất”, tôi trả lời.

“Một dấu hiệu”, anh ta nói, “một dấu hiệu.”

“Nó đây”, tôi trả lời, giờ ra một cái bay giấu trong nếp gấp mảnh roquelaire của mình.

“Anh đùa thôi,” anh ta kêu lên, lùi lại vài bước, “nhưng mình đi đến chỗ Amontillado đi.”

“Thì thế vậy,” tôi nói, cất lại dụng cụ dưới áo choàng và lại đưa tay cho anh ta nắm. Anh ta dựa mạnh vào đó. Chúng tôi tiếp tục con đường đi kiếm Amontillado. Chúng tôi xuyên qua một dãy vòm thấp, đi xuống, đi tiếp, lại đi xuống, đến một hầm mộ sâu, trong đó không khí tẻ đến mức được chúng tôi chỉ rục lên thay vì cháy sáng.

Cuối hầm mộ đó có một hầm mộ khác nhỏ hơn. Tường của nó phủ xương người chắt cao tận vòm, theo kiểu những hầm mộ lớn của Paris. Ba mặt của hầm mộ phía trong này vẫn còn trang hoàng theo lối này. Mặt thứ tư xương đã bị ném xuống, nằm ngổn ngang trên đất, có chỗ tạo thành một đồng nhỏ. Trong bức tường lộ ra vì xương đổ, chúng tôi thấy một hầm nhỏ hơn nữa phía trong, sâu khoảng 4 bộ, rộng ba bộ, cao sáu hay bảy bộ... Nó dường như được tạo ra không phải để dùng cho mục đích đặc biệt nào mà chỉ là khoảng giữa của hai cột to đỡ trần hầm mộ, dựa lưng vào một trong mấy bức tường đá cứng chung quanh.

Fortunato nhắc ngọn đuốc mờ của anh ta, cố nhìn vào bên trong hầm nhưng không thấy được gì. Ánh sáng yếu ớt không cho chúng tôi thấy tận cùng của nó.

“Tiến tục đi”, tôi nói; “đây là Amontillado. Còn Luchresi...”

“Hắn là gã ngốc”, bạn tôi ngắt ngang, lão đảo tiến tới, trong khi tôi theo sát gót. Trong một thoáng anh ta đã đến cuối hầm và thấy bước tiến của mình đã

bị đá cản lại, anh ta đứng sững với vẻ ngạc nhiên ngờ nghệch. Một thoáng sau tôi đã khóa anh ta vào đá. Trên mặt đá là hai vòng sắt, xa nhau chừng hai bộ bề ngang. Một trong hai vòng sắt này có dính một dây xích ngắn, vòng kia có ổ khóa. Quăng sợi xích quanh eo anh ta, chỉ cần mất vài giây để ràng khóa lại. Anh ta không chống chọi vì quá kinh ngạc. Rút chìa khóa ra, tôi lùi khỏi hầm.

“Rà tay lên tường, anh không thể không sờ thấy quặng. Thật sự không khí ẩm lắm. Một lần nữa tôi xin anh trở về. Không về à? Thế thì tôi nhất định bỏ anh lại thôi. Nhưng trước hết tôi phải tỏ cho anh hết sự ân cần trong khả năng của tôi.”

“Amontillado!”, bạn tôi kêu lên, vẫn chưa hết kinh ngạc.

“Phải”, tôi trả lời, “Amontillado.”

Trong khi nói tôi bận lục trong mấy đồng xương tôi đã nhắc đến. Quăng chúng sang bên cạnh, tôi tìm ra ngay một số đá xây và vữa hồ. Bằng số vật liệu này và với cái bay, tôi bắt đầu ra sức xây tường bịt ngõ vào hầm.

Chưa lát xong hàng đá đầu tiên, tôi khám phá rằng Fortunato đã tỉnh rượu nhiều. Dấu hiệu đầu tiên tôi có là tiếng rên nho nhỏ từ đáy hầm. Nó không phải là tiếng kêu của người say. Sau đó là sự im lặng dài durance bình. Tôi đặt lớp đá thứ nhì lên, rồi lớp thứ ba, rồi lớp thứ tư; và tôi nghe tiếng xích rung loảng xoảng. Tiếng động kéo dài nhiều phút, trong thời gian đó tôi ngừng tay và ngồi xuống đồng xương để lắng nghe cho thỏa thích. Cuối cùng khi tiếng leng keng dịu xuống, tôi lại cầm cái bay, và kết thúc lớp thứ năm, thứ sáu và thứ bảy không bị gián đoạn. Bức tường bây giờ gần tới ngang ngực tôi. Tôi ngưng lần nữa, giờ ngọn đuốc trên công trình đang xây cất, rọi vài tia sáng yếu ớt vào cái hình dáng bên trong.

Một chuỗi dài tiếng kêu thét chói óc bật ra bất ngờ từ cổ họng của hình dáng bị xiềng durance như đẩy mạnh tôi lùi lại. Trong một thoáng tôi ngập ngừng -

Tôi run lên. Rút thanh kiếm ra khỏi vỏ, tôi bắt đầu dùng nó dò quanh hầm; nhưng trong chốc lát một ý nghĩ làm tôi yên lòng. Tôi đặt tay lên trên kiến tạo vững chắc của hầm mộ và cảm thấy thỏa mãn. Tôi trở lại gần bức tường. Tôi trả lời kẻ đang gào thét. Hấn gào, tôi cũng gào, tôi phụ họa với hắn, tôi gào to hơn và dai hơn hắn. Tôi làm thế, và tiếng gào im bật.

Bây giờ là nửa đêm, công việc của tôi đã gần xong. Tôi đã hoàn tất lớp thứ tám, thứ chín, thứ mười. Tôi đã làm xong một phần của lớp thứ mười một và là lớp chót; chỉ còn chỗ để đặt một viên đá duy nhất vào và trát lại. Tôi vất vả với sức nặng của nó; tôi đặt nó một phần vào chỗ dành cho nó. Nhưng bây giờ từ trong hầm vọng ra một tiếng cười trầm trầm làm tóc trên đầu tôi dựng lên. Tiếp theo đó là giọng nói buồn rầu tôi khó nổi nhận ra của Fortunato cao quý. Giọng nói bảo:

“Ha Ha Ha! Hi hi, quả là một trò đùa thực hay - một trò cười xuất sắc.

Chúng ta sẽ cười rất vui vì nó ở dinh thự - hi hi hi! - trong lúc uống rượu - hi hi hi!”

“Amontillado!”, tôi nói.

“Hi hi hi! - vâng, Amontillado. Nhưng không phải khuya rồi sao? Không phải họ đang chờ chúng ta ở dinh thự sao, phu nhân Fortunato và tất cả? Chúng ta đi nào.”

“Phải”, tôi nói, “chúng ta đi nào.”

“Vì tình yêu Thượng Đế, Montresor!”

“Phải,” tôi nói, “vì tình yêu Thượng Đế.”

Nhưng tôi lắng nghe mà không thấy tiếng trả lời. Tôi sốt ruột. Tôi gọi lớn:

“Fortunato!”

Không có tiếng trả lời. Tôi lại gọi:

“Fortunato!”

Vẫn không có tiếng trả lời. Tôi đẩy ngọn đuốc qua kẻ hở còn lại và để nó rơi

vào bên trong. Chỉ có tiếng mấy cái chuông reo trả lời. Tìm tôi mệt mỏi - vì sự ẩm ướt của hầm mộ. Tôi vội vã làm cho xong công việc. Tôi ấn viên đá cuối cùng vào chỗ; tôi trát vữa lên. Tôi dựng lại bức thành xương tựa vào công trình xây cất mới. Nửa thế kỷ rồi chưa có người trần nào làm phiền đến chúng. In pace requiescat! [2]

Chú thích:

[1] Không kẻ nào khiêu khích ta mà tránh khỏi sự trừng phạt.

[2] Yên nghỉ.

Edgar Allan Poe

Trái tim thú tội

Đúng! Thần kinh bị kích động đầu óc căng thẳng căng thẳng kinh khủng, nhưng đâu đến nỗi tôi điên! Con bệnh chỉ giúp ngũ quan tôi thêm minh mẫn, hoàn toàn không bị hủy hoại, ừ li chút nào. Nhất là thính giác thì đặc biệt càng nhạy bén. Tôi nghe thấy mọi thứ tận trời cao lẫn dưới đất sâu. Tôi nghe tất cả những điều ở tận cõi âm ty! Vậy thì làm sao tôi điên được chứ? Hãy lắng nghe nhé! Bạn sẽ thấy tôi có thể kể lại toàn bộ câu chuyện ấy tỉnh táo và thoải mái đến chừng nào.

Khó có thể nói cái ý định ấy ban đầu đã nhen nhúm trong tôi như thế nào. Đến khi nhận biết được thì nó cứ đeo đuổi tôi suốt ngày đêm. Tôi chẳng có mục đích và cũng chẳng bởi đam mê nào. Tôi thích lão già ấy. Lão chưa làm phật lòng tôi, chưa xúc phạm đến tôi lần nào, vàng bạc của lão thì tôi chẳng thiết. Theo tôi mọi sự chính tại ánh mắt của lão. Rõ thế rồi! Lão có ánh mắt của loài kền kền. Thứ ánh mắt màu xanh nhợt nhạt phủ màu trắng đục đục! Bất cứ lúc nào cảm thấy ánh mắt ấy xói vào là máu tôi đông cứng lại. Từng chút một, tôi đi đến quyết định phải giết lão để vĩnh viễn thoát khỏi ánh mắt ấy

Và đây mới là điểm quan trọng. Bạn cho là tôi điên nhưng người điên thì có biết gì đâu? Nếu được chứng kiến lúc đó bạn sẽ thấy tôi khôn ngoan biết bao

khi tiến hành công việc-vô cùng thận trọng, tiên liệu đầy đủ mọi tình huống và cẩn mật kín đáo thì khỏi phải nói! Tôi cư xử tử tế hết mức suốt một tuần lễ trước khi giết lão. Cứ mỗi tối, vào khoảng nửa đêm, tôi mở chốt phòng lão và đẩy tới. Ầy! Vô cùng nhẹ nhàng nhé! Khi hé ra vừa đủ, tôi đưa chiếc đèn lồng được bọc kỹ vào trước, hoàn toàn bọc kín để ánh sáng ko lọt ra, sau đó tôi chui đầu vào. Ồ, có lẽ bạn sẽ phá ra cười nếu thấy tôi chui đầu vào khéo léo đến như thế nào! Chui từ từ, thật chậm, rất chậm để khỏi kinh động giấc ngủ của lão. Mắt nguyên cả giờ đồng hồ mới đưa được trọn cái đầu vào trong khe cửa, đủ sâu có thể nhìn thấy lão nằm trên giường. Ha, ha! Liệu một người điên có thể khôn ngoan như thế ko? Và khi cái đầu đã yên vị, tôi cẩn thận tháo đèn lồng ra. Ồ, cẩn thận, rất cẩn thận vì lề cửa có thể rít lên lắm chứ? Tôi tháo bọc đèn vừa đủ cho một tia sáng thật mỏng rọi vào đúng mắt kèn kèn ấy! Suốt bảy đêm liền, đêm nào tôi cũng làm như vậy, đúng vào nửa đêm. Nhưng lần nào đôi mắt lão cũng nhắm nghiền cả. Thế thì làm sao hạ thủ được? Vì đâu phải lão mà chính đôi mắt quái gở của lão đã trêu tôi cơ mà?

Và cứ thế mỗi sáng, khi ngày vừa rạng tôi lại phải liêu lĩnh bước vào phòng lão, can đảm nói chuyện với lão, thân ái gọi tên cúng cơm của lão, hỏi đêm qua lão có được ngon giấc ko... Thế đây, bạn thấy rõ là lão ko thể nào đủ thông minh để có thể đoán được hằng đêm, đúng mười hai giờ, tôi lại đứng ngắm lão ngủ!

Vào đêm thứ tám, tôi mở cửa phòng lão cẩn thận hơn thường lệ. Bàn tay chuyển động còn chậm hơn kim phút đồng hồ. Hơn lúc nào hết, tôi nhận rõ sức mạnh và sự minh mẫn của mình. Khó mà kìm được một cảm giác chiến thắng dâng lên trong lòng khi nghĩ rằng mình đang đứng đó, mở nhẹ cánh cửa, từng chút, từng chút một, còn lão thì cho dù nằm mơ cũng ko thể biết được việc làm và ý nghĩ bí mật của tôi. Thú vị với ý nghĩ đó, tôi buộc miệng

cười khế một tiếng. Hình như lão có nghe thấy bởi lão đột ngột cử động như thể bị giật mình. Bây giờ bạn nghĩ rằng tôi phải lùi bước? Ko đâu! Căn phòng tối đen như mực, các cửa lá sách đều được đóng kín vì sợ kẻ trộm. Tôi biết rằng lão ko thể thất cánh cửa đang mở nếu cứ đẩy tới-từ từ-từ từ... Đưa đầu vào xong, tôi định tháo đèn lồng ra, thì ngón tay khẽ chạm vào sợi dây thép buộc đèn. Lão già vùng dậy trên giường, hét lên: - Ai đó?

Tôi đứng bất động. Cả tiếng đồng hồ tôi ko nhúc nhích, cố nghe ngóng động tĩnh. Lão vẫn ko nằm xuống trở lại, ngồi im trên giường nghe ngóng-như tôi vẫn làm đêm này qua đêm khác. Lão lắng nghe thần chết mò về trên vách!

Lúc đấy tôi nghe có tiếng rên rỉ nhẹ nhẹ. Tôi biết đó là tiếng rên của nỗi khiếp đảm. Đó ko phải tiếng than vãn của đau đớn hay buồn tiếc. ồ, hoàn toàn ko phải thế! Đó là âm trầm run rẩy phát xuất tận đáy lòng người a bàng hoàng tê dại. Tôi biết rõ cái tiếng ấy. Nhiều đêm đứng nửa khuya, khi cả thế gian đã ngủ kỹ, cái tiếng ấy chọt vọt lên trong lồng ngực của tôi. trong tận cùng sâu thẳm, cái tiếng ấy vang vọng khủng khiếp và nỗi sợ hãi đầy dọa, đầy vò tôi. Tôi bảo là tôi hiểu rõ lắm mà. tôi hiểu những gì lão đang cảm thấy vì thương hại lão, mặc dù thực ra tôi cũng thấy buồn cười thực. Tôi biết lão vẫn còn thức từ khi nghe tiếng động nhẹ ấy, từ lúc trở mình trên giường. Nỗi sợ hãi của lão cứ tăng dần lên mãi. Lão cố nghĩ mình nghe nhầm nhưng ko được. lão đã tự nhủ rằng: - Đây chỉ là tiếng gió lùa qua ống khói, tiếng chuột chạy trên sàn nhà hay chỉ là tiếng dế kêu. Lão tự trấn an bằng đủ mọi giả thuyết, nhưng tất cả đều vô ích. Tất cả đều vô ích vì bóng đen của thần chết đang từ từ dịch tới trước mắt lão, đang chuẩn bị chụp xuống nạn nhân.

Chính cái ấn tượng ghê gớm về bóng đen vô hình ấy đã khiến lão cảm được - dù chẳng thấy chẳng nghe - sự hiện diện của cái đầu tôi bên trong căn phòng.

Sau khi chờ đã khá lâu một cách kiên nhẫn nhưng vẫn ko nghe lão nằm

xuống, tôi quyết định hé mở chiếc đèn lồng chút xíu, thật nhỏ, cực nhỏ.

Thế là tôi đã mở ra-bạn ko thể tưởng tượng nỗi tôi đã cẩn thận đến nhường nào-một tia sáng mỏng manh như tơ nhện chiếu đúng ngay con mắt kèn kèn ấy! Con mắt mở lớn, căng tròn xoe khiến tôi điên tiết. Tôi đã thấy rõ nó với đầy đủ các đặc điểm-mà xanh chết giả và lớp màng đục đục gợn guốc. Tất cả cứ khiến tôi lạnh run đến tận xương tủy. Tôi ko thể thấy bộ mặt và hình dáng của lão, vì, tựa như bản năng, tôi đã chiếu tia sáng đúng ngay cái chỗ đáng nguyên rủa ấy.

Tôi đã chẳng nói rằng bạn sẽ làm khi cho là tôi điên sao? ấy chỉ là sự miễn cảm! và đây, lúc này, tôi nghe thấy một âm thanh trầm đục, nhanh như tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ được bọc kín trong bông. Đó là tiếng đập của trái tim lão. Nó càng khiến tôi thêm phần nộ, nghe như tiếng trống thúc quân ra trận vậy!

Nhưng dù thế tôi vẫn cứ chần chừ bất động và cảm thấy khó thở. Tôi giữ im chiếc đèn, cố gắng giữ tia sáng tiếp tục chiếu thẳng vào con mắt lão. Tiếng trống thúc quân mỗi lúc càng giục giã vang to hơn! Nỗi sợ hãi trong lão đã lên đến cực độ! tiếng tim đập càng lúc càng lớn! Bạn có hiểu tôi rõ ko? Tôi đã nói với bạn rằng tôi bị kích động, đúng thế đấy! Và lúc ấy, trong đêm đen, giữa cái giũo chết chóc cùng nỗi im ắng rợn người của ngôi nhà cổ kính, cái âm thanh quá đổi kỳ dị ấy đã kích thích trong tôi một nỗi sợ hãi ko thể kìm chế được. Nhưng tôi vẫn chần chừ bất động thêm vài phút nữa. Tiếng đập lại to hơn, to hơn nữa. Tôi nghĩ trái tim ấy có lẽ phải vỡ ra mất. Và bây giờ một nỗi lo sợ mới lại đến trong tôi-hàng xóm cũng có thể nghe thấy tiếng đập này!

...Giờ của lão đã đến rồi! Với một tiếng hét lớn, tôi ném toạch chiếc đèn lồng, nhảy xổ vào phòng. Lão chỉ kịp thét lên một lần, chỉ một lần. Trong chớp mắt, tôi lôi tuột lão xuống sàn, đè up chiếc giường nặng lên người lão.

Tôi cười thỏa mãn khi thấy công việc đã được thực hiện dễ dàng, suôn sẻ. Tuy nhiên, vài phút sau, trái tim lão vẫn tiếp tục âm ục đập. Nhưng việc ấy chẳng đáng để tôi bận tâm vì nó ko vang nổi ra ngoài phòng. Cuối cùng nó ngưng bật. Lão già đã chết. Tôi nhấc chiếc giường lên xem thi thể. Lão chết ngoắc rồi. Tôi đặt tay lên ngực lão một lúc. Chẳng còn tiếng đập nào nữa. Lão đã chết cứng rồi. Con mắt của lão chắc chắn ko còn làm phiền tôi được nữa.

Và bây giờ đây bạn vẫn cho rằng tôi điên thì bạn sẽ ko nghĩ như thế khi tôi thuật lại sự khôn ngoan thận trọng của tôi trong việc chôn dấu tử thi. Đêm gần tàn tôi hành động vội vã nhưng hoàn toàn yên lặng. Trước tiên tôi chặt nhỏ tử thi, cắt rời đầu và chân tay. Gỡ ba miếng vụn sụn, tôi nhét tử thi vào những khoảng trống rồi gắn lại khéo đến nỗi ko có cặp mắt nào - kể cả mắt lão - có thể khám phá được điều gì. Chẳng có gì phải chùi cả. Ko một vết tích nhỏ, ko một giọt máu nào vương vãi. Tôi hết sức cẩn trọng đề phòng việc đấy. Chiếc hòm gỗ đã dấu trọn tất cả. Ha, ha, ha...

Khi tôi hoàn tất công việc thì đã bốn giờ sáng, trời vẫn còn tối đen. Bỗng có tiếng gõ cửa dưới nhà đúng lúc chuông đồng hồ đổ giờ. Tôi bước xuống mở cửa, lòng nhẹ nhõm. Bây giờ còn việc gì nữa mà phải sợ cơ chứ? Ba người bước vào nhà. Họ tự giới thiệu là nhân viên an ninh. Một người hàng xóm nghe thấy tiếng la thất thanh trong đêm, sự việc ấy dẫn đến nghi vấn, cơ quan an ninh đã được báo tin, cử họ đến kiểm tra sơ bộ.

Tôi mỉm cười - có việc gì phải sợ nhỉ? Tôi mời họ vào nhà và giải thích rằng tiếng la ấy chính là của tôi trong cơn mộng mị, mêm sáng. Tôi cũng cho họ biết lão già ấy đã về quê. Tôi đưa những vị khách đi khắp nhà, tôi mời họ khám xét thật kỹ lưỡng vào! Cuối cùng tôi đưa họ vào phòng lão già. Tôi chỉ cho họ thấy cửa của lão vẫn an toàn, chưa động đập gì cả. Quá vui với lòng tự tin, tôi mang ghế vào căn phòng ấy, mời họ ngồi ngay tại đó giải lao

một chút. Và với sự liều lĩnh của một kẻ chiến thắng, tôi đặt ghế của mình ngồi ngay trên đầu tử thi.

Các nhân viên an ninh tỏ vẻ hài lòng. Thái độ của tôi đã thuyết phục được họ. Tôi rất thoải mái tự nhiên. Họ ngồi đó và khi tôi vui vẻ trả lời, họ cũng đáp lại bằng những mẩu chuyện vui vớ vẩn. Nhưng dần dà tôi thấy người cứ tái đi và tôi chỉ mong họ ra về. Đầu nhức buốt, tôi nghe như có tiếng chuông reo bên tai. Nhưng họ vẫn ngồi, vẫn trò chuyện băng quơ. Tiếng ù ù trong tai tôi trở nên nghe rõ hơn - lại tiếp tục và lại to hơn. Tôi cố nói cười tự nhiên để xua đuổi cảm giác ấy. Nhưng nó vẫn tiếp tục và lại càng rõ hơn.

Cuối cùng tôi chợt nhận ra âm thanh ấy ko phải ở trong tai tôi.

Ko nghi ngờ gì nữa, tôi tái mặt đi, nhưng vẫn cố nói năng lưu loát hơn, mạnh dạn hơn. Âm thanh kia vẫn gia tăng, tôi biết phải làm gì đây? Đó là âm thanh trầm đục, nhanh gọn, quá dỗi giống tiếng tíc tắc của chiếc đồng hồ được bọc trong bông! Tôi thờ hờn hờn nhưng họ vẫn chưa nghe thấy những tiếng đập ấy. Tôi nói nhanh hơn, hùng hồn hơn, cố át đi. Nhưng âm thanh ấy vẫn tăng dần. Tôi đứng lên, tiếp tục bàn về vấn đề cướp bóc với giọng sang sảng, điệu bộ mạnh mẽ. Nhưng tiếng đập vẫn cứ to thêm. Tại sao họ ko đi cho rồi nhỉ? Tôi đi đi lại lại trên sàn nhà, bước chân nặng chịch như bị kích động giận dữ trước sự quan sát của họ. Nhưng tiếng đập vẫn cứ tăng đều. Ôi, thượng đế ơi! Tôi có thể làm gì đây? Tôi nói đến sùi bọt mép. Tôi nổi cáu, tôi nguyên rủa! Tôi day lắc chiếc ghế ngồi, tôi trà mạnh chân lên sàn nhà. Nhưng âm thanh ấy vẫn nổi lên trên và tiếp tục tăng đều. Nghe lớn thêm, lớn thêm, lớn thêm! Ba nhân viên an ninh vẫn trò chuyện vui vẻ và cười nói nữa chứ! Có thể nào họ chẳng nghe thấy? Lạy chúa! Ko, ko thể thế được! Họ nghe cả rồi! Họ nghi ngờ! Họ biết hết rồi! Họ cố tình đùa cợt trên nỗi thống khổ của tôi! Tôi đã nghĩ đến điều ấy.

Tôi biết rõ điều ấy lắm! Ko còn gì tệ hại hơn nỗi đau khổ này! Ko thể khoan

dung cho sự nhạo báng này được! Tôi ko chịu nổi những nụ cười giả dối ấy nữa. Hoặc tôi phải thét lên hoặc chết đi thôi!

Và bây giờ - một lần nữa! Hãy nghe đây! Nó vang! Vang! Vang! Vang!

- Đồ đê! - Tôi hét lên - Đừng giả vờ nữa! Tôi nhận tội đây! Gỡ vãn sàn lên. Đây, đây này! Trái tim tởm lợm của lão ấy vẫn còn đập đấy.

Edgar Allan Poe (Mỹ)

Edgar Allan Poe

Triết lý về soạn tác

Charles Dickens, trong bức thư ngắn ám chỉ một khảo sát của tôi về cơ chế của cuốn Barnaby Rudge, nói rằng: “Tiện thể ông có biết là Godwin đã đi giật lùi khi viết cuốn Caleb Williams? Trước tiên ông ta đưa nhân vật vào một mạng lưới những khó khăn, tạo thành nội dung của tập hai và sau đó để viết tập một ông tính toán cho nhân vật vào vai như thế nào đó để lý giải được những gì y đã làm”.

Tôi không nghĩ rằng điều này là phương thức tiến hành đích xác ở Godwin - và sự thực là điều mà tự ông thú nhận không hoàn toàn phù hợp với ý tưởng của Dickens - nhưng tác giả của Caleb Williams là một nghệ sĩ thừa giỏi giang để thấy cái lợi sinh ra từ một quá trình cứ cho là na ná như vậy. Một điều quá rõ là mọi cốt truyện đáng là cốt truyện phải được xây dựng nhằm vào sự mở nút của nó trước khi ngòi bút động đến những vấn đề khác. Chỉ có thường xuyên nhằm vào mở nút chúng ta mới có thể đem lại cho cốt truyện cái không khí tương tác hệ quả và nguyên nhân không thể thiếu được bằng cách làm cho những tình tiết và đặc biệt là những giọng ở mọi điểm hướng về sự phát triển của ý đồ.

Tôi nghĩ là có một sai lầm cơ bản trong cách thức quen thuộc để xây dựng

một câu chuyện. Hoặc lịch sử đưa ra một luận điểm - hoặc luận điểm được gợi ra bởi một sự kiện thời sự - hoặc tốt nhất tác giả tự mình làm công việc tổ hợp những biến cố đặc sắc đơn thuần để hình thành cơ sở cốt truyện - thường là thiết kế có chủ đích những kẽ trống của thực tế hoặc hành động, rồi, lần lần từng trang làm cho chúng trở nên rõ hơn bằng cách đưa vào đó những đoạn miêu tả, đối thoại hoặc bình luận của tác giả.

Tôi thì lại thích bắt đầu bằng sự cân nhắc một hiệu quả cho tác phẩm. Luôn phải quan tâm đến sự độc đáo - bởi vì anh nhà văn nào mưu toan sử dụng nguồn hứng thú quá rõ và quá dễ đạt được vì có sẵn thì anh ta sẽ lâm vào tình trạng giả dối với chính mình - tôi thì trước tiên tự nhủ: “Trong vô số những hiệu quả hay ấn tượng có thể gợi ra được ở trái tim, ở trí tuệ hoặc (khái quát hơn) ở tâm hồn, trong trường hợp này chúng ta, tức là tôi sẽ chọn hiệu quả nào. Sau khi chọn một hiệu quả với đặc tính thứ nhất là mới, thứ hai là mạnh mẽ, tôi cân nhắc hoặc là viết bằng những sự kiện bình thường và giọng kể đặc biệt, hoặc là ngược lại, sự kiện đặc biệt, giọng bình thường, hoặc là cả sự kiện và cả giọng đều đặc biệt - và sau đó cân nhắc (hay đúng hơn là suy ngẫm) xem tổ hợp những sự kiện và giọng nào trong các tổ hợp nói trên sẽ giúp tôi nhiều nhất trong việc gây dựng hiệu quả.

Tôi thường nghĩ rằng sẽ hết sức thú vị nếu như có một bài báo trong đó tác giả muốn - có nghĩa là có thể - trình bày chi tiết từng bước, từng bước một những quá trình mà qua đó một soạn tác của anh ta đạt tới điểm hoàn thiện tối hậu của nó. Tại sao chưa hề có một bài báo như vậy được viết trên đời này. Tôi rất bối rối giải thích điều này - có lẽ ở đây cái sự bỏ qua không làm được việc này có nhiều nguyên nhân mà nguyên nhân quan trọng hơn là sĩ diện của tác giả. Hầu hết người viết - đặc biệt là các nhà thơ - cứ thích được hiểu là họ soạn tác bằng một loại cuồng hứng tinh tế - một trực giác xuất thần và chắc chắn họ sẽ rùng mình nghĩ đến việc công chúng nhìn trộm vào

hậu trường , ngó vào những sự sống sượng của tư tưởng đang được xào xáo - ngó vào những kết quả thực mà chỉ đến phút cuối họ mới vớ được - nhìn thấy được những điều tưởng tượng đã chín đến độ chín muồi nhưng lại bị vứt bỏ đi một cách tuyệt vọng như là những điều không sao điều khiển được - nhìn thấy được sự lựa chọn thận trọng để rồi vứt bỏ - nhìn thấy được những sự xóa bỏ đau đớn và những sự nội suy - tóm lại nhìn vào những bánh xe và những ổ răng cưa - những dụng cụ di chuyển trong cảnh diễn - chẳng hạn như những cái thang để nhô lên, những cái bẫy để sập xuống - những cái lông gà, sơn màu đỏ và những vệt màu đen, tất cả những thứ này chín mươi chín phần trăm, là vốn đạo cụ của histrio văn học (kép diễn trò văn học). Mặt khác, tôi cũng ý thức được rằng trường hợp sau đây hoàn toàn không phải là thông thường: đó là trường hợp tác giả có tất cả điều kiện vạch lại những bước đi qua đó anh ta đạt tới những kết thúc. Nói chung đó là những điều được khơi gợi nảy sinh một cách hỗn độn, chúng cũng được đeo đuổi và bỏ quên một cách hỗn độn như vậy.

Về phía tôi, tôi không có sự e ngại, ghê sợ nói trên, đồng thời tôi cũng chẳng khó khăn tí nào trong việc nhớ lại những bước đi tuần tự của bất kỳ soạn tác nào của tôi; và, bởi lẽ lợi ích của một sự phân tích hoặc một sự dừng lại mà tôi xem như là một ước ao và chỉ vậy thôi, hoàn toàn không lệ thuộc vào một lợi ích thực tại hoặc viễn vông nào mưu tính ở tác phẩm được phân tích, việc này không bị xem như là một sự vi phạm đạo đức thông thường, chẳng qua tôi chỉ phơi bày phương thức thao tác nhờ đó một trong những công trình của tôi được soạn thảo. Tôi chọn bài thơ “Con quạ” vì nó được biết đến nhiều nhất. Ý đồ của tôi là làm rõ không một điểm nào trong việc soạn tác nó được qui vào sự ngẫu nhiên hoặc trực giác - làm cho rõ tác phẩm này được tiến hành từng bước, từng bước để tới sự hoàn thiện với một sự chính xác và tính hệ quả chặt chẽ của một vấn đề toán học.

Chúng ta không bàn trường hợp trong đó được đề lên hàng đầu ý đồ soạn tác một bài thơ nhất thiết phù hợp với thị hiếu của quần chúng và của giới phê bình, trường hợp này không thích đáng với bản thân thi ca.

Như vậy chúng ta bắt đầu với ý đồ dưới đây.

Sự xem xét ban đầu là sự xem xét về dung lượng. Nếu như một tác phẩm văn học quá dài, không thể đọc được một lèo, chúng ta bỏ mất hiệu quả quan trọng phát sinh từ sự thống nhất ấn tượng - bởi vì, nếu như phải đọc làm hai lượt, những công việc trên đời này sẽ xen vào và cái tổng thể lập tức bị phá huỷ. Nhưng bởi lẽ, *ceteris paribus* (cứ cho như mọi điều kiện khác ngang bằng nhau), không một nhà thơ nào lại bỏ qua những gì có thể xúc tiến ý đồ của anh ta, chỉ còn lại một cách là xem xét trong dung lượng có lợi thế nào để bù vào sự mất tính thống nhất thường kèm theo dung lượng. ở đây tôi nói ngay rằng không có lợi thế nào để bù vào cái mà chúng ta gọi là bài thơ dài. Trên thực tế nó chỉ là sự nối tiếp những bài thơ ngắn - có nghĩa là một sự nối tiếp những hiệu quả thơ ngắn. Không cần thiết phải chứng minh rằng thơ là thơ, thơ chỉ là thơ khi nó kích thích mạnh mẽ tâm hồn, nâng cao tâm hồn lên, và mọi sự kích thích mãnh liệt đều ngắn, đây cũng là một sự tất yếu trong đời sống tinh thần. Vì lẽ này, ít nhất một nửa trường ca Thiên đường bị mất đi(*) chủ yếu là văn xuôi - một sự nối tiếp những đợt kích thích thơ đương nhiên là phải được xen kẽ với những đợt trầm cảm tương ứng - toàn bộ tác phẩm do độ quá dài của nó bị mất đi tính tổng thể hoặc tính thống nhất hiệu quả, một yếu tố nghệ thuật có tầm quan trọng rộng lớn.

Như vậy có thể thấy rõ là có một giới hạn rạch ròi, về phương diện độ dài, cho mọi công trình văn học - giới hạn trong một lần (đọc một lèo) - và cũng có thể thấy rõ là - cũng chỉ trong một số loại soạn tác văn xuôi thôi, chẳng hạn như Robinson Crusoe (không đòi hỏi tính thống nhất), giới hạn này có thể vượt quá một cách thuận lợi, nhưng trong một bài thơ thì lại không thể

nào thực sự vượt quá được. Trong giới hạn này dung lượng của một bài thơ phải được tính sao cho ứng với hệ thức toán học đối với phẩm giá của nó - nói một cách khác ứng với sự kích thích hoặc tầm cao hứng - lại nói một cách khác nữa, ứng với mức độ của hiệu quả nghệ thuật (poetical effect) thực sự mà nó có thể gây truyền cảm; bởi lẽ một điều khá rõ là sự ngắn gọn phải tỉ lệ thuận với cường độ của hiệu quả được tính đến - đại thể là như vậy nhưng với một điều kiện - phải đạt tới một độ dài nào đó, đây là đòi hỏi tuyệt đối để sản sinh ra bất kỳ hiệu quả nào.

Với những suy tính nói trên, đồng thời xác định mức độ kích thích, tôi tính là chất lượng bài thơ không trên thị hiếu bình dân mà lại không dưới thị hiếu của giới phê bình. Tôi hiểu ra ngay cái mà tôi quan niệm là độ dài đích thực cho bài thơ tôi định viết - một độ dài khoảng một trăm dòng. Trên thực tế bài thơ là một trăm lẻ tám dòng.

Suy nghĩ tiếp theo có liên quan đến sự lựa chọn một ấn tượng, hoặc một hiệu quả để truyền đạt: và ở đây tôi cũng thấy rằng, xuyên suốt sự kết cấu, tôi kiên trì nghĩ đến cái cách truyền đạt làm sao cho tác phẩm được tán thưởng một cách phổ biến. Tôi sẽ bị đẩy đi quá xa chủ đề đang bàn trực tiếp của tôi nếu tôi phải chứng minh một điểm mà tôi cứ nhấn đi nhấn lại và điểm này, cùng với chất lượng nghệ thuật chẳng cần đến một sự chứng minh nào cả - điều tôi muốn nói ở đây là luận điểm: cái Đẹp là lĩnh vực chính đáng duy nhất của bài thơ.

Tuy vậy cũng phải có mấy lời làm rõ điều thực sự muốn nói của tôi. Điều này một số trong bạn bè của tôi tỏ rõ có thiên hướng trình bày sai đi. Niềm lạc thú tức thì mạnh mẽ nhất, cao hứng nhất, và thuần khiết nhất, theo tôi nghĩ được tìm thấy trong sự chiêm ngưỡng cái Đẹp. Thực ra, khi người ta nói đến cái Đẹp, nói một cách chính xác người ta không nói đến một phẩm chất như vẫn thường được giả định, mà nói đến một hiệu quả - tóm lại người

ta dẫn chiếu đến cao hứng mãnh liệt và thuần túy của tâm hồn - chứ không phải của trí tuệ hoặc trái tim - tôi đã có lời bàn về cảm xúc này, nó được trải nghiệm như là hệ quả của sự chiêm ngưỡng “cái đẹp”. Giờ tôi gọi Đẹp là lĩnh vực của bài thơ, chẳng qua vì một nguyên tắc hiển nhiên của nghệ thuật là những hiệu quả phải được nảy sinh từ những nguyên nhân trực tiếp - những đối tượng phải được đạt tới thông qua những phương tiện thích nghi tốt nhất để đạt tới chúng - không một ai dù kém đến đâu đi nữa lại phủ nhận rằng cao hứng kỳ lạ được nói đến đã có sẵn để được cảm nhận trong văn bản bài thơ. Giờ tôi có thể nói rằng đối tượng liên quan đến Chân lý, hoặc sự thỏa mãn trí tuệ, và đối tượng có liên quan đến Ham mê, hoặc sự phấn khích của trái tim đều có thể đạt tới trong thơ và văn xuôi nhưng trong văn xuôi có thể đạt tới chúng lẹ làng hơn nhiều. Trên thực tế, Chân lý đòi hỏi sự chính xác còn Ham mê thường là thô thiển (homeliness) (những người thực sự đam mê sẽ thông cảm với tôi), sự chính xác và thô thiển lại tuyệt đối đối kháng với cái đẹp, nó, tôi luôn nghĩ vậy, là sự phấn khích hoặc cao hứng thích thú của tâm hồn. Từ những điều được nói ra ở đây tuyệt nhiên không có nghĩa là Ham mê và cả Chân lý nữa không thể đưa vào, không những thế đưa vào còn có lợi nữa - bởi vì chúng có thể giúp làm sáng tỏ hoặc hỗ trợ hiệu quả chung, giống như tác động của nghịch âm trong âm nhạc, sinh ra do sự tương phản - nhưng người nghệ sĩ đích thực bao giờ cũng tìm cách, thứ nhất, làm cho chúng hoà điệu với mục tiêu nổi trội, và thứ hai, làm cho chúng được bao trùm trong cái Đẹp, nó là khí quyển và bản chất của bài thơ. Như vậy xem cái Đẹp như là lĩnh vực của tôi, thì câu hỏi tiếp theo dẫn chiếu đến giọng trong sự biểu hiện cao nhất của cái Đẹp - và mọi kinh nghiệm đều cho thấy rằng giọng này là giọng của nỗi buồn. Cái Đẹp thuộc bất kỳ loại nào, trong sự phát triển tốt độ của nó, bao giờ cũng vậy, kích thích tâm hồn nhạy cảm ứa nước mắt. Như vậy sâu muộn là giọng thơ chính đáng hơn cả

trong các giọng thơ.

Độ dài, lĩnh vực và giọng đã được xác định. Tôi bèn làm cái công việc qui nạp thông thường, tính đến việc đạt được một kích động nghệ thuật gắt gao nào đó mà tôi có thể sử dụng như là một chủ âm trong sự kết cấu bài thơ - một cái trục nào đó mà toàn bộ cấu trúc có thể xoay trên đó. Trong việc suy nghĩ cân nhắc khá kỹ về tất cả những hiệu quả nghệ thuật thông dụng - hoặc nói đúng hơn về những mảnh lời hiểu theo nghĩa sân khấu - tôi thấy ngay rằng không một mảnh lời nào lại được dùng phổ biến như điệp khúc. Tính chất phổ biến của việc dùng mảnh lời này đủ để cho tôi yên tâm về giá trị cố hữu của nó và miễn cho tôi phải phân tích nó. Tuy nhiên tôi xem xét nó ở khả năng cải tiến nó và sớm thấy được nó ở trong một điều kiện nguyên thủy. Như thường dùng, điệp khúc không chỉ giới hạn trong phạm vi câu thơ trữ tình, nhưng ấn tượng nó gây ra phụ thuộc vào sức mạnh của sự đơn điệu - trong cả âm thanh và tư tưởng. Khoái cảm chỉ có được từ cảm quan về sự đồng nhất - cảm quan về sự lặp lại. Cách giải quyết của tôi là đa dạng hoá và nâng cao khá rõ hiệu quả bằng cách duy trì nói chung sự đơn điệu của âm, trong khi đó tôi thường xuyên biến tấu sự đơn điệu của tư tưởng: như vậy có nghĩa là tôi quyết định liên tục sản sinh những hiệu quả nối tiếp bằng cách biến tấu việc ứng dụng điệp khúc - còn bản thân điệp khúc, phần lớn trường hợp thì không biến đổi.

Nghiệm ra được những điều nói trên, tôi bèn suy nghĩ về tính chất cơ bản của điệp khúc của tôi. Vì sự ứng dụng điệp khúc này phải được lặp đi lặp lại, mỗi lần lại phải biến thức, rõ ràng là bản thân điệp khúc phải ngắn gọn bởi lẽ với một câu dài mà lại đem ứng dụng trong những biến thức liên tục thì đó là một điều khó khăn không thể vượt qua được. Một điều đương nhiên là sự dễ dàng của việc biến thức tỉ lệ thuận với sự ngắn gọn của câu (điệp khúc). Tự nhiên tôi nghĩ ngay đến việc lấy một từ đơn sẽ là điệp khúc tốt nhất.

Đến đây phát sinh vấn đề: vậy thì tính chất của từ phải như thế nào. Sau khi điệp khúc đã được quyết định rồi thì việc chia bài thơ thành nhiều khổ thơ thực ra chỉ còn là một hệ luận: điệp khúc sẽ là từ khép lại mỗi khổ thơ.

Không nghi ngờ gì nữa, một từ khép lại như vậy muốn có sức mạnh phải ngân vang và gây được độ nhấn kéo dài; và những sự suy tính này không tránh khỏi đưa tôi đến âm o kéo dài, nó là nguyên âm ngân vang nhất, âm này lại đem kết hợp với r như là phụ âm ấn tượng nhất.

Âm của điệp khúc đã được xác định, tiếp theo cần phải chọn một từ hiện thân âm này nhưng đồng thời phải phù hợp một cách đầy đủ nhất với sự sầu muộn mà tôi đã quyết định trước lấy nó làm giọng của bài thơ, Tìm tòi với những điều kiện như vậy, tuyệt nhiên là không thể nào bỏ qua được từ “nevermore” (không bao giờ nữa). Trên thực tế nó là từ đầu tiên hiện ra trong đầu tôi.

Điều tiếp theo cần phải tính đến là một cái cớ cho việc dùng liên tục một từ, đó là từ “nevermore”. Trước sự khó khăn mà tôi thấy ngay lập tức, làm sao bịa ra được một lý do khá hợp lý để liên tục lặp đi lặp lại từ này, tôi nhận ra rằng khó khăn này nảy sinh chẳng qua vì cứ giả định trước là nó phải được nói ra một cách liên tục và đơn điệu bởi một sinh thể có tính người - tóm lại tôi thấy rằng khó khăn này là ở việc dung hòa sự lặp từ đơn điệu với hoạt động lý trí của sinh thể lặp đi lặp lại từ này. Đến đây, thế là nảy sinh ngay lập tức ý tưởng về một sinh thể không có năng lực suy lý mà lại có thể nói được; và, một cách hết sức tự nhiên, hình ảnh được gợi ra đầu tiên là con vẹt, nhưng hình ảnh này ngay lập tức được thay thế bởi hình ảnh con quạ, nó cũng có khả năng nói được như vậy nhưng xét về mặt phù hợp với cái giọng (sầu muộn) đã được dự định thì đạt hơn muôn phần.

Đến đây thế là tôi đã đi đến một khái niệm tổng quát: một con quạ - loại chim báo điềm gở - lặp đi lặp lại một cách đơn điệu một từ “nevermore” như

là từ kết thúc mỗi khổ thơ trong một bài thơ có giọng điệu sầu muộn và có chiều dài khoảng 100 dòng. Tới đây, tôi vẫn chưa hề quên chủ định đạt tới độ cao tột đỉnh (supremeness) hoặc sự hoàn thiện ở mọi mặt, tôi tự hỏi - “Trong mọi chủ đề sầu muộn, chủ đề nào, theo cách hiểu phổ quát của loài người, là chủ đề sầu muộn nhất?”. Cái chết - đương nhiên đó là điều mà tôi nghĩ đến. “Và”, tôi tự hỏi, “khi nào thì chủ đề sầu muộn nhất này chứa chan thi hứng nhất?”. Qua những gì tôi đã giải thích khá dài dòng, thì câu trả lời đương nhiên là “khi chủ đề này liên kết mật thiết nhất với cái Đẹp: hơn nữa cái chết của một người đàn bà đẹp, đương nhiên, sẽ là chủ đề đậm thi hứng nhất trên đời này - và không nghi ngờ gì nữa, cặp môi thích hợp nhất với chủ đề như vậy là cặp môi của một người tình bị tử thần cướp đi”.

Giờ thì tôi phải tổ hợp hai ý tưởng, ý tưởng một kẻ si tình than khóc cô bạn gái đã qua đời và ý tưởng con quạ liên tục lặp lại từ “nevermore” - tôi phải tổ hợp hai ý tưởng này, trong tâm trí luôn nhớ đến thuật biến thức, ý đồ cứ sau mỗi lần chuyển khổ lại biến thức cách ứng dụng của từ được lặp lại; nhưng phương thức duy nhất hợp lý cho một sự tổ hợp như vậy là sự tương tượng con quạ dùng từ này trả lời những câu hỏi của kẻ si tình. Và đến đây, thế là tôi thấy ngay cái cơ hội để tạo ra cái hiệu quả mà tôi lệ thuộc - tức là cái hiệu quả của sự biến thức cách vận dụng (variation of application). Câu trả lời mà kẻ si tình hỏi - câu hỏi mà con quạ trả lời “Nevermore” - tôi thấy rằng tôi có thể đặt câu hỏi đầu tiên này như là một câu hỏi tầm thường - câu hỏi thứ hai lại tầm thường hơn nữa - câu hỏi thứ ba càng tầm thường hơn nữa và cứ như vậy - cho tới khi sau một chuỗi dài kẻ si tình bưng tỉnh thoát khỏi trạng thái uể oải ban đầu do tính chất sầu muộn của bản thân từ này - do sự lặp đi lặp lại - và do sự nghĩ ngợi về tai tiếng điềm gở của con quạ thốt ra từ này - và cứ thế dần dà anh ta xốn xác đi đến sự mê tín và rồ dại đưa ra những câu hỏi mang một tính chất khác hẳn. Những câu hỏi mà sự giải quyết

anh ta nung nấu tận đáy lòng - anh ta đưa ra những câu hỏi này có phần như là mê tín và có phần như là trạng thái tuyệt vọng, một thứ khoái cảm trong sự tự hành hạ. Anh ta đưa ra những câu hỏi không hoàn toàn vì anh ta tin ở tính chất báo gở và tính chất quỷ quái của con chim (con quạ này, lý trí khiến anh tin như vậy chẳng qua chỉ lặp đi lặp lại một bài học thuộc lòng) mà vì anh ta trải nghiệm một sự thích thú điên cuồng được đặt ra những câu hỏi sao cho nhận được ở từ “nevermore” mà anh ta mong đợi nỗi u buồn ngọt ngào nhất vì chung khó chịu đựng nhất. Nhận ra cái trạng huống như trên đã khiến tôi - hoặc nói đúng hơn đã buộc tôi tính nước như sau trong quá trình kết cấu - trước tiên tôi định trong tâm trí điểm cao trào, đó là câu hỏi cuối cùng - câu hỏi mà con quạ lần cuối cùng trả lời “Nevermore” - câu hỏi mà từ “nevermore” đáp lại chứa đựng sâu muộn và tuyệt vọng cùng cực nhất.

Đến đây có thể nói là bài thơ được bắt đầu - ở vào khâu chót của nó, ở đó mọi công việc nghệ thuật phải bắt đầu - vì chính là từ đây, từ điểm này của những suy tính trước của tôi, mà tôi đặt bút lần đầu tiên lên giấy để soạn tác khổ thơ.

“Kẻ báo điềm kia!” - Tôi bảo. - “Đồ tai ác kia!

-- Người lặng thinh, là chim hay là quỷ”

Có trời cao nhìn xuống chúng ta, có Chúa mà hai ta tôn thờ

Xin hãy bảo cho tâm hồn đang trĩu nặng buồn thương

xem trên cõi thiên đường xa xôi

Nó có còn được siết vào lòng người trinh nữ thánh thiện

được các thiên thần gọi tên Lenore

Siết chặt người trinh nữ rạng ngời,

hiếm có được các thiên thần gọi tên Lenore

Con quạ kêu lên: “Không bao giờ nữa”

Tôi soạn tác khổ thơ này, ở điểm này, trước nhất là vì, bằng cách xác lập đỉnh điểm, tôi có thể làm tốt hơn cả việc biến thức và lần lần tăng hoặc giảm độ (độ nghiêm túc và độ quan trọng) những câu hỏi trước đó của kẻ si tình - và thứ hai là vì tôi có thể sắp đặt dứt khoát tiết tấu, vận luật cũng như độ dài và bố cục chung của khổ thơ - đồng thời tôi cũng có thể định mức độ cho những khổ thơ trước đó sao cho không một khổ nào có thể vượt quá khổ này về hiệu quả tiết tấu. Trong phần viết tiếp theo đó, nếu như tôi có thể kết cấu những khổ thơ mạnh mẽ hơn, không một chút đắn đo tôi sẽ cố tình làm dụi chúng đi, cốt sao đừng có gây nhiều hiệu quả đỉnh điểm.

Đến đây tôi xin nói đôi lời về thi luật. Mục tiêu thứ nhất của tôi (như thường lệ) là sự độc đáo. Sự độc đáo trong thi luật sao lại bị coi thường đến như vậy. Đó là một trong những điều khó hiểu nhất trên đời. Cứ cho rằng có ít khả năng biến thức trong tiết tấu đơn thuần, nhưng lại phải thấy rằng những khả năng biến thức của vận luật và khổ thơ là vô cùng tận - ấy vậy mà trong nhiều thế kỷ, không một ai trong câu thơ, làm được, một điều độc đáo, mà xem ra cũng chẳng nghĩ đến làm điều độc đáo. Sự thực là tính độc đáo (trừ phi ở những trí tuệ có sức mạnh phi thường) tuyệt nhiên, như một số người giả định, không phải là vấn đề xung lực (bản năng) hoặc trực giác. Nhìn chung, để chộp được nó, tính độc đáo phải được tìm kiếm công phu và mặc dù là một phẩm giá tích cực cao cấp, để đạt được nó đòi hỏi tinh thần phải nhận nhiều hơn là óc sáng kiến.

Đương nhiên, về tiết tấu cũng như về âm luật trong bài thơ “Con quạ”, chẳng có tí độc đáo nào cả về phần tôi. Tiết tấu ở đây là tiết tấu trochaic(1) - âm luật ở đây là âm luật tám cụm âm tiết acatalectic(2), xen với âm luật bảy cụm âm tiết catalectic(3) được lặp lại ở điệp khúc câu thứ năm và kết thúc bằng âm luật bốn cụm âm tiết catalectic(4). Ít sính thuật ngữ hơn thì những cụm âm tiết được dùng trong tiết tấu trochaic gồm có một âm tiết dài tiếp

theo là một âm tiết ngắn: dòng thứ nhất của khổ thơ gồm có tám cụm âm tiết này - dòng thứ hai gồm có bảy và một nửa (trên thực tế là hai phần ba cụm âm tiết này) - dòng thứ ba gồm có tám - dòng thứ tư gồm có bảy và một nửa - dòng thứ năm cũng như vậy - dòng thứ sáu gồm có ba và một nửa. Đến đây có thể thấy rằng mỗi dòng trong sáu dòng này lấy riêng ra thì đã được các nhà thơ sử dụng từ trước và sự độc đáo của bài “Con quạ” là ở sự tổ hợp chúng thành khổ thơ; chưa có bài thơ nào trước đây gần với cách tổ hợp này, thậm chí hơi hơi giống như vậy cũng không.

Hiệu quả của tính độc đáo này (được tạo ra bằng sự tổ hợp) được hỗ trợ bởi những hiệu quả ít thông dụng khác, có một số hoàn toàn mới, chúng nảy sinh từ một sự mở rộng cách ứng dụng những nguyên lý tiết tấu và điệp âm. Điểm tiếp theo cần được suy tính là phương thức đưa kẻ si tình và con quạ đến cùng một chỗ - và ý thứ nhất của sự suy tính này là địa điểm. Để làm điều này tưởng như tự nhiên nhất là lấy một khu rừng hoặc một cánh đồng - nhưng đối với tôi luôn luôn tôi thấy rằng một giới hạn không gian khép kín là tuyệt đối cần thiết để gây ra hiệu quả sự cô lập - nó có sức mạnh làm khung một bức tranh. Nó có sức mạnh tinh thần không cưỡng lại được bắt người ta tập trung sự chú ý và đương nhiên không được lẫn với yêu cầu của luật thống nhất địa điểm.(5)

Tôi bèn quyết định đặt kẻ si tình trong buồng của y, trong một căn buồng trở thành thiêng liêng đối với y do những hồi ức về người con gái thường lui tới đó. Căn buồng được trình bày nội thất phong phú - điều này chẳng qua là theo đuổi ý tưởng mà tôi đã giải thích về chủ đề cái Đẹp, như là luận điểm nghệ thuật đích thực duy nhất.

Thế là địa điểm đã được xác định, giờ thì tôi phải nghĩ đến việc đưa con chim vào và đương nhiên chỉ có cách đưa nó vào qua cửa sổ. Ý tưởng làm cho kẻ si tình, ban đầu, ngỡ tiếng vỗ cánh của con chim đập vào cửa chớp là

tiếng gõ cửa bắt nguồn từ ý muốn kéo dài và do đó làm tăng thêm sự tò mò của độc giả và nó còn bắt nguồn từ ý thích tạo ra hiệu quả bất ngờ nảy sinh từ việc kẻ si tình lao ra mở cửa thấy đêm tối đen kịt và từ đó nửa tỉnh nửa mơ nghĩ rằng đó là hồn của người tình hiện lên gõ cửa.

Tôi dàn dựng cảnh đêm là đông tố, thứ nhất là để giải thích việc con quạ đòi vào cửa và thứ hai là để gây hiệu quả tương phản với không khí yên ả (theo nghĩa đen) trong căn phòng.

Tôi để con chim đậu xuống pho tượng thần Pallas (gọi theo tiếng Hi Lạp là Athena) cũng là để tạo hiệu quả tương phản giữa cảm thạch và lông chim - cũng phải hiểu rằng ý tưởng pho tượng hoàn toàn được gọi ra từ con chim - tượng Pallas được chọn, thứ nhất vì gần hơn cả với học vấn của kẻ si tình, và thứ hai vì âm vang của chính từ Pallas.

Đến khoảng giữa bài thơ tôi cũng lợi dụng sức mạnh của sự tương phản với ý định làm cho ấn tượng cuối cùng sâu sắc hơn. Chẳng hạn, cách đi vào của con quạ được miêu tả với vẻ kỳ cục - gần như sự lố bịch nhưng với vẻ chấp nhận được. Nó đi vào với vẻ “vung vênh và vỗ cánh”.

Chẳng hề cung kính, không lúc nào dừng lại hay đứng yên

Mà với bộ mặt đài các kiêu kỳ, đậu vào phía trên cánh cửa buồng tôi

Trong hai khổ thơ tiếp theo ý đồ được thực hiện rõ hơn.

Thế rồi với bộ dạng trịnh trọng nghiêm nghị

Con chim màu mun này làm tôi nguôi đi lòng đương sầu muộn chợt thấy
buồn cười

"Cho dù đầu người bị xén trụi lông rồi", tôi bảo,

"nom người chẳng nổi nào hèn nhất"

Con quạ khùng khiếp và cổ lỗ bay lang thang thoát khỏi bờ Đêm

Cho ta biết quý danh nơi bờ Đêm địa ngục

Lời quạ kêu lên: "Không bao giờ nữa"

Hiệu quả của mở nút đã có rồi. Tôi lập tức bỏ yếu tố kỳ cục chuyển sang một giọng nghiêm túc vô cùng sâu sắc. Giọng này, bắt đầu ở khổ thơ tiếp ngay sau khổ cuối cùng vừa được trích dẫn, giọng thơ này, bắt đầu với dòng thơ:

Nhưng con quạ đơn độc đậu trên pho tượng câm lặng ấy,
Chỉ nói...

Từ thời điểm tham chiếu này, kẻ si tình không giấu nữa, chẳng thấy gì là kỳ cục ở thái độ con quạ. Anh ta nói về con quạ như là “một con chim từ thừa xa xưa, ác nghiệt, thô vụng, rùng rợn, buồn thảm và quái gở.” Và anh ta cảm thấy “đôi mắt hung dữ rực cháy trong tâm can lồng ngực”. Sự đảo lộn này trong tư tưởng hoặc trí tưởng tượng ở kẻ si tình nhằm mục đích truyền một sự đảo lộn tương tự ở độc giả - nhằm mục đích đưa tâm tưởng độc giả vào một khuôn khổ thích hợp cho sự mở nút - khâu đó lúc này phải được thực hiện càng nhanh và càng trực tiếp càng tốt.

Với chính sự mở nút - với trả lời của con quạ “nevermore” đáp lại đòi hỏi cuối cùng của kẻ si tình là liệu anh ta có thể gặp người tình ở thế giới bên kia không - có thể nói bài thơ ở phương diện hiển nhiên của nó, phương diện đơn thuần tự sự đã có sự kết thúc trọn vẹn của nó. Từ đầu đến cuối, mọi tình tiết đều nằm trong những giới hạn có thể lý giải được - những giới hạn của hiện thực. Một con quạ học vẹt được mỗi một từ “nevermore”, nó chạy trốn thoát khỏi sự giam cầm của chủ nó, giữa đêm khuya bị cuốn đi bởi những cơn cuồng phong trong bão táp, nó rơi vào một cửa sổ ánh đèn còn leo lét và xin vào - đây là cửa sổ căn phòng của một sinh viên, nửa phần miệt mài đọc một cuốn sách, nửa phần mơ màng đến người tình đã quá cố. Cánh cửa được bật ra trong tiếng vỗ cánh của con quạ, con quạ đậu xuống vị trí thuận tiện nhất ngoài tầm với của người sinh viên, anh ta thích thú với sự bất ngờ, kỳ cục trong cử chỉ của người khách lạ, bèn lên tiếng hỏi tên của nó có vẻ như

chế nhạo và cũng chẳng mong chờ câu trả lời. Con quạ được hỏi bèn trả lời bằng cái từ quen miệng của nó, “nevermore” - một từ ngay tức khắc gây ngân vang đáp lại trong trái tim sâu muợn của người sinh viên, anh ta thốt ra mấy ý nghĩ tức cảnh sinh tình rồi lại giật mình chột nghe con chim lặp lại từ “nevermore”. Người sinh viên lúc này đoán được sự tình như thế nào nhưng như tôi đã giải thích ở trên do thói thích thú tự hành hạ thường tình ở con người và một phần do mê tín nữa anh ta buộc phải đề xuất với con chim những câu hỏi cốt sao đem lại cho anh ta, kẻ si tình, nỗi sầu muợn sang trọng nhất qua câu trả lời đã được nói trước đó “nevermore”.

Với cảm giác thích thú đạt tới cùng cực của sự tự hành hạ của anh ta, phần tự sự mà tôi xác định là phương diện thứ nhất hoặc phương diện hiển nhiên, có một sự kết thúc tự nhiên nhưng cũng có chừng mực là không được vượt quá những giới hạn của thực tại.

Nhưng trong những chủ đề được xử lý như vậy, cho dù có khéo léo đến đâu, hoặc cho dù việc sắp đặt những tình tiết có sinh động đến đâu thì bao giờ cũng có một sự nặng nề hoặc trần trụi nào đó làm khó chịu con mắt nghệ sĩ. Có hai điều luôn luôn được đòi hỏi - thứ nhất, một lượng phức tạp nào đó hay nói đúng hơn một lượng ráp nối nào đó; và thứ hai một lượng ám gợi nào đó - những ý nghĩa chạy ngầm ở dưới mà lại mập mờ. Đặc biệt là chính mảng này truyền cho công trình nghệ thuật không biết bao nhiêu là màu mỡ (richness) (tôi mượn từ lời ăn tiếng nói hàng ngày cái từ sống động này) mà chúng ta thường rất thích nhàm lẫn với lý tưởng. Chính sự nóng lên quá đáng ý nghĩa được ám gợi - thay cho sự chạy ngầm dưới chủ đề lại làm cho nó lộ ở bên trên - chính sự quá đáng này biến cái gọi là thơ của cái gọi là trường phái siêu nghiệm thành văn xuôi (mà lại là thứ văn xuôi tầm thường nhất).

Dựa vào những ý kiến này, tôi thêm vào hai khổ thơ kết thúc bài thơ - sức

ám gợi của chúng được tạo ra như thế nào để lan toả khắp câu chuyện đã được kể từ trước. Mạch ngầm của ý nghĩa trước tiên được hiện rõ trong những dòng thơ:

Hãy rút mở ra khỏi tim ta và mang hình hài người biến sau khung cửa.

Con quạ đáp lời: "Không bao giờ nữa"

Đến đây phải thấy rằng những từ “ra khỏi tim ta” bao hàm sự biểu đạt ẩn dụ đầu tiên trong bài thơ. Những từ này cùng với từ trả lời “nevermore” chuẩn bị tâm thế đi tìm bài học luân lý trong tất cả những gì đã được kể ra trước đó. Giờ đây người đọc bắt đầu nhìn con quạ như là biểu tượng (emblematical) - nhưng phải đến dòng cuối cùng của khổ thơ kết bài thì ý định biến nó thành biểu tượng của Hồi ức đau buồn và bất tận mới có cơ được thấy rõ.

Và con quạ không hề động cánh, vẫn im lìm, tọa im lìm

Trên bức tượng xanh xao, tượng Pallas bán thân bên trên cánh cửa

Và mắt ấy, mắt quý đương mơ ngủ

Và ánh đèn trên cao đổ bóng

Và hồn tôi khi nào thoát khỏi

Bóng quạ đen đập dềnh trên sàn

Không thể nào bay lên - không bao giờ nữa!

Văn học nước ngoài, số 3, tháng 5-6/2004, số kỷ niệm 195 năm sinh E.A.Poe (1809-2004)

Chú thích:

(*) Tác phẩm của nhà thơ ý Dante Alighieri (1265-1321).

(1) Tiết tấu dùng trong thơ trochee. Từ dùng trong câu thơ gồm có một âm tiết nhấn mạnh tiếp theo một âm tiết không nhấn hoặc một âm tiết dài tiếp theo một âm tiết ngắn.

(2) Nguyên văn là octameter acatalectic. Dòng thơ tám cụm (âm tiết) acatalectic là dòng thơ có tám cụm mà cụm cuối đủ âm tiết.

(3) Nguyên văn là heptameter catalectic. Dòng thơ bảy cụm (âm tiết) catalectic là dòng thơ có bảy cụm mà cụm cuối không đủ âm tiết.

(4) Nguyên văn là tetrameter catalectic. Dòng thơ bốn cụm (âm tiết) catalectic là dòng thơ có bốn cụm mà cụm cuối không đủ âm tiết.

(5) Thi pháp chủ nghĩa cổ điển đề ra luật ba thống nhất:

Thống nhất thời gian (chuyện xảy ra trong 24 giờ)

Thống nhất hành động

Thống nhất địa điểm (một địa điểm).

HẾT